

Biểu mẫu 17

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2021

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông năm học 2020-2021

1. TIẾN SĨ

1.1 Cam kết điều kiện tuyển sinh, Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học ở tất cả các ngành

1.	Điều kiện tuyển sinh	<p>Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Điều kiện về văn bằng: Có bằng thạc sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông hoặc bằng thạc sĩ của các cơ sở đào tạo khác được chấp nhận tương đương, phù hợp hoặc gần với chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ; <i>(Danh mục các ngành, chuyên ngành phù hợp, ngành gần với chuyên ngành dự tuyển trình độ tiến sĩ - Phụ lục I, II-xem tại website https://tuyensinh.ptit.edu.vn)</i> Những người có bằng tốt nghiệp do các cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận bằng văn bản theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đăng ký tại <i>Cục Quản lý chất lượng giáo dục- Bộ Giáo dục</i>).2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.3. Có một đề cương định hướng nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng về đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, gồm các nội dung:<ol style="list-style-type: none">a) Lý do chọn lĩnh vực nghiên cứu; mục tiêu nghiên cứu và mong muốn đạt được;b) Kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo (công việc sẽ làm trong thời gian tập trung liên tục 12 tháng, trong thời gian không tập trung và trong từng giai đoạn của quá trình
----	----------------------	--

		<p>đào tạo);</p> <p>c) Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu;</p> <p>d) Dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp;</p> <p>e) Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).</p> <p>4. Có 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh hoặc học vị nêu trên và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển.</p> <p>5. Có đủ trình độ Tiếng Anh để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án, thể hiện ở một trong các điều kiện sau:</p> <p>a. Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là Tiếng Anh hoặc tiếng nước khác như Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật Bản;</p> <p>b. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;</p> <p>c. Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được Quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;</p> <p>d. Người dự tuyển đáp ứng quy định tại mục 5.a. khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại mục 5.b. khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh, hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (<i>quy định tại Phụ lục VII</i>) theo quy định tại mục 5.c. do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển <i>thì phải có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh</i> trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).</p> <p>6. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ</p>
--	--	--

		<p>tiếng Việt tối thiểu bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;</p> <p>7. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi ứng viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.</p> <p>8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).</p>
2.	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<p>- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.</p> <p>- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, học viên cao học và NCS còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, được tham gia nghiên cứu các dự án, đề tài nghiên cứu mang tính thực tiễn cao. Nghiên cứu sinh được phép tham gia và gửi bài viết tham dự các Hội nghị nghiên cứu khoa học và Tạp chí khoa học của Học viện.</p> <p>- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.</p>

1.2 Cam kết các nội dung khác theo các ngành đào tạo

a. Ngành Kỹ thuật viễn thông (*Quyết định số 385/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành*)

1.	<p>Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết sâu sắc về phương pháp nghiên cứu khoa học, tư duy logic biện chứng trong việc đặt và giải quyết các vấn đề. - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B2 Khung châu Âu hoặc chứng chỉ tương đương. <p>1.2. Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ hiểu biết sâu sắc về các kiến thức nền tảng của ngành/chuyên ngành, lĩnh vực cụ thể của ngành Điện tử - Truyền thông. - Có các khả năng phân tích đánh giá các kiến thức ngành/chuyên ngành hiện có và từ đó phát hiện những kết
----	--	--

	<p>quả mới trong lý thuyết cũng như thực tiễn góp phần làm giàu kho trí thức của chuyên ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng chứng minh tính đúng đắn và bảo vệ được các kết quả đề xuất bằng lý thuyết cũng như kiểm nghiệm bằng thực nghiệm, mô phỏng. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông và thực tiễn xã hội. - Luận án phải thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu; Luận án phải được trình bày một cách chặt chẽ, khoa học và thuyết phục. - Nội dung cơ bản và kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu trong hai bài báo đăng trên các tạp chí hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế theo quy định chung của Học viện và được thực hiện trong thời gian đào tạo. <p>2. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng độc lập nghiên cứu, phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề. - Có kỹ năng phân tích đánh giá một cách khoa học các luận điểm, các kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu. - Có kỹ năng hướng dẫn sinh viên hoặc học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học. - Có kỹ năng lãnh đạo, thuyết phục người khác trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn.
--	---

2	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	1. Cấu trúc chương trình đào tạo				
		STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC	
		I. Các học phần bổ sung				
		1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS chưa có bằng thạc sĩ	Theo quy định của Học viện	
		2	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện	
		II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ				8
		3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6	
		4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2	
		III. Chuyên đề tiến sĩ				6
		5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2	
		6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2	
		7	Chuyên đề 3	Tất cả NCS	2	
		IV. Tiểu luận tổng quan				2
		8	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	2	
		V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ				80
		9	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	80	
		Tổng cộng				96
		2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ				
		STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	
		I. Các học phần bắt buộc				6
		1	IGF5401	Học thuật hóa các bài toán kỹ thuật	2	
		2	ELE5401	Công cụ toán nâng cao cho điện tử - viễn thông	2	
3	TEL5401	Lý thuyết độ tin cậy	2			
II. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 5 học phần)				2		

		<table border="1"> <tr> <td>4</td> <td>ELE5405</td> <td>Lý thuyết thông tin và mã hóa</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>TEL5402</td> <td>Phân tích và tính toán chất lượng mạng viễn thông</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>TEL5403</td> <td>Quang phi tuyến và ứng dụng</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>TEL5404</td> <td>Truyền thông quang vô tuyến</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>TEL5405</td> <td>Xử lý tín hiệu nâng cao cho truyền thông vô tuyến</td> <td>2</td> </tr> </table>	4	ELE5405	Lý thuyết thông tin và mã hóa	2	5	TEL5402	Phân tích và tính toán chất lượng mạng viễn thông	2	6	TEL5403	Quang phi tuyến và ứng dụng	2	7	TEL5404	Truyền thông quang vô tuyến	2	8	TEL5405	Xử lý tín hiệu nâng cao cho truyền thông vô tuyến	2
4	ELE5405	Lý thuyết thông tin và mã hóa	2																			
5	TEL5402	Phân tích và tính toán chất lượng mạng viễn thông	2																			
6	TEL5403	Quang phi tuyến và ứng dụng	2																			
7	TEL5404	Truyền thông quang vô tuyến	2																			
8	TEL5405	Xử lý tín hiệu nâng cao cho truyền thông vô tuyến	2																			
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có hệ thống kiến thức toàn diện, tiên tiến và chuyên sâu về ngành và chuyên ngành, có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo để giải quyết vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Kỹ thuật Viễn thông. - Làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết mới của chuyên ngành nghiên cứu. - Có khả năng giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật Viễn thông. - Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, xây dựng các đề tài và công trình khoa học, tổng hợp kết quả nghiên cứu thành các báo cáo, bài báo khoa học, và công bố trong các hội nghị, tạp chí chuyên ngành. - Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực chuyên môn. - Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế. 																				

b. Ngành Kỹ thuật điện tử (Quyết định số 385/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành)

<p>1.</p>	<p>Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết sâu sắc về phương pháp nghiên cứu khoa học, tư duy logic biện chứng trong việc đặt và giải quyết các vấn đề. - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B2 Khung châu Âu hoặc chứng chỉ tương đương. <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các kiến thức nền tảng cơ bản về Kỹ thuật Điện tử, vật lý và toán học. - Am hiểu về lĩnh vực chuyên môn và cập nhật những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử. - Có các khả năng phân tích đánh giá các kiến thức chuyên ngành điện tử; có kỹ năng phát hiện vấn đề hay nêu câu hỏi có ý nghĩa cho nghiên cứu và từ đó phát hiện những kết quả mới trong lý thuyết cũng như thực tiễn góp phần làm giàu kho trí thức của chuyên ngành. - Có khả năng chứng minh tính đúng đắn và bảo vệ được các kết quả đề xuất bằng lý thuyết cũng như kiểm nghiệm bằng thực nghiệm, mô phỏng. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử và thực tiễn xã hội. - Luận án phải thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu; Luận án phải được trình bày một cách chặt chẽ, khoa học và thuyết phục. - Nội dung cơ bản và kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu trong hai bài báo đăng trên các tạp chí hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế theo quy định chung của Học viện và được thực hiện trong thời gian đào tạo. <p>2. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng độc lập nghiên cứu, phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề. - Có kỹ năng phân tích đánh giá một cách khoa học các luận điểm, các kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu. - Có kỹ năng hướng dẫn sinh viên hoặc học viên cao học
-----------	--	---

		<p>tham gia nghiên cứu khoa học.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng lãnh đạo, thuyết phục người khác trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn. - Có kỹ năng trình bày và bảo vệ luận án, trình bày kết quả nghiên cứu trong các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế. - Có kỹ năng thiết kế và tổ chức tiến hành một công trình nghiên cứu. 																																																																								
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung đào tạo</th> <th>Đối tượng</th> <th>Số TC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="4">I. Các học phần bổ sung</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>NCS chưa có bằng thạc sĩ</td> <td>Theo quy định của Học viện</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm</td> <td>Theo quy định của Học viện</td> </tr> <tr> <td colspan="3">II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Các học phần bắt buộc</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Các học phần tự chọn</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td colspan="3">III. Chuyên đề tiến sĩ</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Chuyên đề 1</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Chuyên đề 2</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Chuyên đề 3</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td colspan="3">IV. Tiểu luận tổng quan</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td colspan="3">V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ</td> <td>80</td> </tr> <tr> <td>9</td> <td>Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>80</td> </tr> <tr> <td colspan="3" style="text-align: center;">Tổng cộng:</td> <td>96</td> </tr> </tbody> </table> <p>2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Mã HP</th> <th>Tên học phần</th> <th>Số TC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">I. Các học phần bắt buộc</td> <td>6</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC	I. Các học phần bổ sung				1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS chưa có bằng thạc sĩ	Theo quy định của Học viện	2	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện	II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			8	3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6	4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2	III. Chuyên đề tiến sĩ			6	5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2	6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2	7	Chuyên đề 3	Tất cả NCS	2	IV. Tiểu luận tổng quan			2	8	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	2	V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ			80	9	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	80	Tổng cộng:			96	STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	I. Các học phần bắt buộc			6
STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC																																																																							
I. Các học phần bổ sung																																																																										
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS chưa có bằng thạc sĩ	Theo quy định của Học viện																																																																							
2	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện																																																																							
II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			8																																																																							
3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6																																																																							
4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2																																																																							
III. Chuyên đề tiến sĩ			6																																																																							
5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2																																																																							
6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2																																																																							
7	Chuyên đề 3	Tất cả NCS	2																																																																							
IV. Tiểu luận tổng quan			2																																																																							
8	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	2																																																																							
V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ			80																																																																							
9	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	80																																																																							
Tổng cộng:			96																																																																							
STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC																																																																							
I. Các học phần bắt buộc			6																																																																							

		1	IGF5401	Học thuật hóa các bài toán kỹ thuật	2	
		2	ELE5401	Công cụ toán nâng cao cho điện tử - viễn thông	2	
		3	ELE5402	Mật mã học và ứng dụng	2	
		II. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 5 học phần)				2
		4	ELE5403	Các công nghệ điện tử mới	2	
		5	ELE5404	Một số vấn đề khoa học công nghệ và kỹ thuật điện tử	2	
		6	ELE5405	Lý thuyết thông tin và mã hóa	2	
		7	TEL5401	Lý thuyết độ tin cậy	2	
		8	TEL5405	Xử lý tín hiệu nâng cao cho truyền thông vô tuyến	2	
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ có khả năng độc lập giải quyết những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử. - Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp tiến sĩ có khả năng giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử. - Có khả năng truyền đạt thông tin bằng cách giảng bày, soạn thảo báo cáo khoa học, tham gia và phát biểu trong các hội thảo khoa học, bình duyệt nghiên cứu của đồng nghiệp. - Có năng lực am hiểu tiếng Anh, và có khả năng sử dụng hay ứng dụng các kỹ thuật trong công nghệ thông tin. 				

c. Ngành Hệ thống thông tin (Quyết định số 385/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành)

1.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết sâu sắc về phương pháp nghiên cứu khoa học, tư duy logic biện chứng trong việc đặt và giải quyết các vấn đề. - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B2 Khung châu Âu hoặc chứng chỉ tương đương. <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ hiểu biết sâu sắc về các kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ít nhất một trong các chuyên ngành hẹp sau (nhưng không giới hạn trong các chuyên ngành hẹp này): phân tích và xử lý dữ liệu, khai phá dữ liệu, dữ liệu lớn, tính toán hiệu năng cao, kiến trúc hệ thống, an ninh mạng, an toàn hệ thống, tìm kiếm và truy xuất thông tin.
----	---	--

		<ul style="list-style-type: none"> - Có các khả năng phân tích đánh giá các kiến thức chuyên ngành Hệ thống Thông tin; từ đó tiến hành nghiên cứu để phát hiện những kết quả mới trong lý thuyết và thực tiễn góp phần làm giàu kho trí thức của chuyên ngành Hệ thống Thông tin. - Có khả năng đưa ra các giả thuyết; chứng minh tính đúng đắn và bảo vệ được các kết quả đề xuất bằng lý thuyết và kiểm nghiệm bằng thực nghiệm. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành Hệ thống Thông tin và thực tiễn xã hội. - Luận án phải thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu; Luận án phải được trình bày một cách chặt chẽ, khoa học và thuyết phục. - Nội dung cơ bản và kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu trong hai bài báo đăng trên các tạp chí hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế theo quy định chung của Học viện và được thực hiện trong thời gian đào tạo. <p>2. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng độc lập nghiên cứu, phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề. - Có kỹ năng phân tích đánh giá một cách khoa học các luận điểm, các kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu. - Có kỹ năng sử dụng các công cụ công nghệ thông tin để hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong và ngoài lĩnh vực Hệ thống Thông tin. - Có kỹ năng hướng dẫn sinh viên hoặc học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học - Có kỹ năng lãnh đạo, thuyết phục người khác trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn. 												
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;">STT</th> <th style="width: 50%;">Nội dung đào tạo</th> <th style="width: 20%;">Đối tượng</th> <th style="width: 20%;">Số TC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="4" style="background-color: #cccccc;">I. Các học phần bổ sung</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">1</td> <td>Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống Thông tin của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>NCS chưa có bằng thạc sĩ</td> <td>Theo quy định của Học viện</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC	I. Các học phần bổ sung				1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống Thông tin của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS chưa có bằng thạc sĩ	Theo quy định của Học viện
STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC											
I. Các học phần bổ sung														
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống Thông tin của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS chưa có bằng thạc sĩ	Theo quy định của Học viện											

		2	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Hệ thống Thông tin của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện
II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ					8
		3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6
		4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2
III. Chuyên đề tiến sĩ					6
		5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2
		6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2
		7	Chuyên đề 3	Tất cả NCS	2
IV. Tiểu luận tổng quan					2
		8	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	2
V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ					80
		9	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	80
Tổng cộng:					96
2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ					
		STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
I. Các học phần bắt buộc					6
		1	IGF5402	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2
		2	INT5401	Công cụ toán nâng cao cho công nghệ thông tin	2
		3	INT5402	Tối ưu tổ hợp và phân tích dữ liệu	2
II. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)					2
		4	INT5403	Xử lý dữ liệu lớn nâng cao	2
		5	INT5404	Tìm kiếm và truy xuất thông tin nâng cao	2
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ có khả năng độc lập giải quyết những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Hệ thống Thông tin. - Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp tiến sĩ có khả năng giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các cơ 			

	quan nghiên cứu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Hệ thống Thông tin
--	---

d. Ngành Kỹ thuật máy tính (*Quyết định số 385/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành*)

1.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết sâu sắc về phương pháp nghiên cứu khoa học, tư duy logic biện chứng trong việc đặt và giải quyết các vấn đề. - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B2 Khung châu Âu hoặc chứng chỉ tương đương. <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ hiểu biết sâu sắc về các kiến thức nền tảng và chuyên sâu của ít nhất một trong các chuyên ngành hẹp sau (nhưng không giới hạn trong các chuyên ngành hẹp này): kiến trúc máy tính, hệ thống nhúng, hệ thống thông minh, mô phỏng và ảo hóa, mã hóa và bảo mật thông tin, trí tuệ nhân tạo, học máy, tương tác người - máy, biểu diễn và khai phá tri thức, xử lý ngôn ngữ tự nhiên v.v. ; - Có các khả năng phân tích đánh giá các kiến thức chuyên ngành Kỹ thuật Máy tính và từ đó phát hiện những kết quả mới trong lý thuyết cũng như thực tiễn góp phần làm giàu kho trí thức của chuyên ngành; - Có khả năng chứng minh tính đúng đắn và bảo vệ được các kết quả đề xuất bằng lý thuyết cũng như kiểm nghiệm bằng thực nghiệm hoặc mô phỏng. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành Kỹ thuật Máy tính và thực tiễn xã hội. - Luận án phải thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu; Luận án phải được trình bày một cách chặt chẽ, khoa học và thuyết phục. - Nội dung cơ bản và kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu trong hai bài báo đăng trên các tạp chí hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế theo quy định chung của Học viện và được thực hiện trong thời gian đào tạo. <p>2. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng độc lập nghiên cứu, phát hiện vấn đề và giải
----	---	---

		<p>quyết vấn đề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng tổng hợp phân tích đánh giá một cách khoa học các luận điểm, các kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu. - Có kỹ năng sử dụng các công cụ công nghệ thông tin để hỗ trợ giải quyết các vấn đề trong và ngoài lĩnh vực Kỹ thuật Máy tính. - Có kỹ năng hướng dẫn sinh viên hoặc học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học. - Có kỹ năng lãnh đạo, thuyết phục người khác trong quá trình giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn. 																																																								
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung đào tạo</th> <th>Đối tượng</th> <th>Số TC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">I. Các học phần bổ sung</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Máy Tính/ Hệ thống Thông tin/ Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>NCS chưa có bằng thạc sĩ</td> <td>Theo quy định của Học viện</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Máy Tính/ Hệ thống Thông tin/ Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm</td> <td>Theo quy định của Học viện</td> </tr> <tr> <td colspan="3">II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Các học phần bắt buộc</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Các học phần tự chọn</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td colspan="3">III. Chuyên đề tiến sĩ</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Chuyên đề 1</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Chuyên đề 2</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>7</td> <td>Chuyên đề 3</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td colspan="3">IV. Tiểu luận tổng quan</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>8</td> <td>Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td colspan="3">V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ</td> <td>80</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC	I. Các học phần bổ sung				1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Máy Tính/ Hệ thống Thông tin/ Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS chưa có bằng thạc sĩ	Theo quy định của Học viện	2	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Máy Tính/ Hệ thống Thông tin/ Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện	II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			8	3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6	4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2	III. Chuyên đề tiến sĩ			6	5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2	6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2	7	Chuyên đề 3	Tất cả NCS	2	IV. Tiểu luận tổng quan			2	8	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	2	V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ			80
STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC																																																							
I. Các học phần bổ sung																																																										
1	Các học phần ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Máy Tính/ Hệ thống Thông tin/ Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS chưa có bằng thạc sĩ	Theo quy định của Học viện																																																							
2	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Khoa học Máy Tính/ Hệ thống Thông tin/ Kỹ thuật Điện tử của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện																																																							
II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			8																																																							
3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6																																																							
4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2																																																							
III. Chuyên đề tiến sĩ			6																																																							
5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2																																																							
6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2																																																							
7	Chuyên đề 3	Tất cả NCS	2																																																							
IV. Tiểu luận tổng quan			2																																																							
8	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	2																																																							
V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ			80																																																							

		9	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	80	
		Tổng cộng:				96
		2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ				
		STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	
		I. Các học phần bắt buộc				6
		1	IGF5402	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	
		2	INT5401	Công cụ toán nâng cao cho công nghệ thông tin	2	
		3	INT5402	Tối ưu tổ hợp và phân tích dữ liệu	2	
		II. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)				2
		4	INT5405	Hệ thống nhúng nâng cao	2	
5	INT5406	Điện toán đám mây nâng cao	2			
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ có khả năng độc lập giải quyết những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Kỹ thuật Máy tính. - Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp tiến sĩ có khả năng giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật Máy tính. 				

e. Ngành Quản trị kinh doanh (Quyết định số 385/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ tiến sĩ các chuyên ngành)

1.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết sâu sắc về phương pháp nghiên cứu khoa học, tư duy logic biện chứng trong việc đặt và giải quyết các vấn đề. - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B2 Khung châu Âu hoặc chứng chỉ tương đương. <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có trình độ hiểu biết sâu sắc về các kiến thức nền tảng và các kiến thức nâng cao về quản trị kinh doanh. - Có khả năng phân tích đánh giá các kiến thức ngành/chuyên ngành hiện có và từ đó phát hiện những kết quả mới trong lý thuyết cũng như thực tiễn góp phần làm giàu kho trí thức của chuyên ngành. - Người học sẽ có kiến thức cập nhật và nâng cao các kiến
----	---	--

		<p>thức về quản trị kinh doanh theo hướng chuyên sâu và hiện đại.</p> <p>1.3 Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của chuyên ngành Quản trị Kinh doanh và thực tiễn xã hội. - Luận án phải thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp tiến hành nghiên cứu; Luận án phải được trình bày một cách chặt chẽ, khoa học và thuyết phục. - Nội dung cơ bản và kết quả của luận án phải được công bố tối thiểu trong hai bài báo đăng trên các tạp chí hoặc báo cáo tại các hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế theo quy định chung của Học viện và được thực hiện trong thời gian đào tạo. <p>2. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng độc lập nghiên cứu, phát hiện và phân tích, đánh giá khoa học các vấn đề cần giải quyết liên quan đến hoạt động quản trị kinh doanh nói chung và gắn với đề tài luận án của nghiên cứu sinh. - Có kỹ năng phân tích đánh giá một cách khoa học các luận điểm, các kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài nghiên cứu. - Có kỹ năng lãnh đạo và giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn, hướng dẫn sinh viên hoặc học viên cao học tham gia nghiên cứu khoa học. 																																				
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1" data-bbox="544 1373 1401 2092"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung đào tạo</th> <th>Đối tượng</th> <th>Số TC</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3">I. Các học phần bổ sung</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</td> <td>NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm</td> <td>Theo quy định của Học viện</td> </tr> <tr> <td colspan="3">II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ</td> <td>8</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Các học phần bắt buộc</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Các học phần tự chọn</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td colspan="3">III. Chuyên đề tiến sĩ</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Chuyên đề 1</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Chuyên đề 2</td> <td>Tất cả NCS</td> <td>2</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC	I. Các học phần bổ sung				1	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện	II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			8	3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6	4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2	III. Chuyên đề tiến sĩ			6	5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2	6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2
STT	Nội dung đào tạo	Đối tượng	Số TC																																			
I. Các học phần bổ sung																																						
1	Các học phần trọng tâm ở trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	NCS có bằng thạc sĩ ở chuyên ngành gần, hoặc chuyên ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp ≥ 15 năm	Theo quy định của Học viện																																			
II. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			8																																			
3	Các học phần bắt buộc	Tất cả NCS	6																																			
4	Các học phần tự chọn	Tất cả NCS	2																																			
III. Chuyên đề tiến sĩ			6																																			
5	Chuyên đề 1	Tất cả NCS	2																																			
6	Chuyên đề 2	Tất cả NCS	2																																			

		7	Chuyên đề 3	Tất cả NCS	2
		IV. Tiểu luận tổng quan			2
		8	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	2
		V. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ			80
		9	Theo Quy định tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	Tất cả NCS	80
		Tổng cộng:			96
		2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ			
		STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
		I. Các học phần bắt buộc			6
		1	BSA5401	Phương pháp nghiên cứu định lượng trong quản trị kinh doanh	2
		2	BSA5402	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2
		3	BSA5403	Quản trị tri thức	2
		II. Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)			2
		4	BSA5404	Tái cấu trúc doanh nghiệp	2
		5	BSA5405	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong môi trường hội nhập	2
		6	BSA5406	Quản trị kinh doanh trong nền kinh tế số	2
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<p>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, tiến sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông có thể làm việc với tư cách là chuyên gia, các cán bộ khoa học có trình độ cao tại các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ quan quản lý, hoạch định và tư vấn chính sách trong các cơ quan quản lý nhà nước, trong bộ máy điều hành, tham mưu, chức năng của các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nói chung và đặc biệt phù hợp trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin và Truyền thông, ở các vị trí cụ thể như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạch định chính sách, chiến lược phát triển Công nghệ Thông tin và Truyền thông quốc gia; - Xây dựng các chính sách quản lý, điều tiết trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin và Truyền thông; - Hoạch định chính sách, chiến lược, giải pháp cho doanh nghiệp; - Tổ chức quản lý, điều hành doanh nghiệp; - Tổ chức, lãnh đạo nhóm nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế và 			

	<p>quản trị kinh doanh Công nghệ Thông tin và Truyền thông;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo đại học, sau đại học; - Giảng dạy, biên soạn giáo trình cho bậc đại học và sau đại học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
--	--

2. THẠC SĨ

2.1 Cam kết điều kiện tuyển sinh, Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học ở tất cả các ngành

1.	Điều kiện tuyển sinh	<p>Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện phải có đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>1. Điều kiện về văn bằng đại học và thâm niên công tác chuyên môn:</p> <p>a) Đã tốt nghiệp đại học hệ <i>chính quy hoặc hình thức vừa làm vừa học</i> tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông hoặc tại các cơ sở đào tạo khác được chấp nhận tương đương với bằng đại học của Học viện <i>ngành/chuyên ngành đúng hoặc phù hợp</i> với chuyên ngành đăng ký dự thi;</p> <p>b) Đã tốt nghiệp đại học theo hình thức <i>giáo dục từ xa</i> <i>ngành/chuyên ngành đúng hoặc phù hợp</i> với chuyên ngành đăng ký dự thi, nếu tốt nghiệp từ loại <i>Giỏi trở lên</i> được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp, nếu tốt nghiệp từ loại <i>Khá trở xuống phải có 01 năm thâm niên</i> công tác tính từ ngày được công nhận tốt nghiệp đến ngày dự thi;</p> <p>c) Người đã tốt nghiệp đại học <i>ngành/chuyên ngành gần</i> với chuyên ngành đăng ký dự thi, ngoài điều kiện về thâm niên công tác thì phải học Bổ sung kiến thức trước khi dự thi.</p> <p>d) Người đã tốt nghiệp đại học các ngành/chuyên ngành công nghệ, kỹ thuật, khoa học tự nhiên, kiến trúc, xây dựng, môi trường, nông - lâm nghiệp, pháp luật, chính trị, du lịch, quản lý nhà nước, quân sự, an ninh <i>có tối thiểu 02 năm thâm niên công tác</i> trong <i>lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý</i> tính từ ngày được <i>công nhận tốt nghiệp đến ngày dự thi</i>, sau khi học <i>bổ sung kiến thức 12 môn</i> sẽ được phép dự thi chuyên ngành Quản trị kinh doanh trình độ thạc sĩ của Học viện.</p> <p>e) Người có bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ngoài các điều kiện nêu trên phải có giấy chứng nhận văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p style="text-align: center;"><i>Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần; Danh mục các môn học Bổ sung kiến thức như Phụ lục II kèm theo</i></p>
----	----------------------	--

		<p>hoặc xem tại cổng thông tin tuyển sinh của Học viện: http://tuyensinh.ptit.edu.vn.</p> <p>2. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương cư trú xác nhận.</p> <p>3. Có đủ sức khỏe để học tập</p>
2.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.</p> <p>- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, học viên cao học và NCS còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, được tham gia nghiên cứu các dự án, đề tài nghiên cứu mang tính thực tiễn cao. Nghiên cứu sinh được phép tham gia và gửi bài viết tham dự các Hội nghị nghiên cứu khoa học và Tạp chí khoa học của Học viện.</p> <p>- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.</p>

2.2 Cam kết các nội dung khác theo các ngành đào tạo

2.2.1 Khối ngành III

a. Ngành Quản trị kinh doanh (*Quyết định số 383/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành*)

1.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <p>- Hiểu và vận dụng được hệ thống tri thức khoa học về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin; về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về đường lối trong thời kỳ đổi mới kinh tế trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội của Đảng và Nhà nước.</p> <p>- Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B1 khung Châu Âu hoặc tương đương.</p> <p>- Hiểu và sử dụng thành thạo một số phương pháp nghiên cứu khoa học, công cụ mô phỏng phục vụ cho việc học tập các môn học khác và nghiên cứu khoa học.</p> <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <p>- Hiểu, vận dụng được các kiến thức nâng cao và chuyên sâu của chuyên ngành Quản trị Kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt</p>
----	---	---

		<p>động kinh doanh cụ thể của doanh nghiệp như: Lãnh đạo tốt chức, Quản trị chiến lược, Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị marketing...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng thành thạo một số kiến thức chuyên ngành nâng cao trong Quản trị Kinh doanh nhằm phục vụ cho các nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp và làm chủ các công nghệ, phương pháp mới trong các lĩnh vực Quản trị Kinh doanh. - Có phương pháp luận khoa học, phương pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn Quản trị Kinh doanh. - Nắm vững các phương pháp phân tích kinh tế định tính và định lượng áp dụng trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn công tác sau tốt nghiệp. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, vận dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và kiến thức chuyên môn để giải quyết đề tài nghiên cứu với một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Đối với luận văn thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu cần có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; nội dung luận văn có đủ hàm lượng khoa học để có thể hình thành một bài báo khoa học. <p>2. Về kỹ năng</p> <p>2.1 Kỹ năng cứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá, dự báo môi trường kinh tế vĩ mô và môi trường ngành từ đó xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn. - Biết sử dụng các kiến thức chuyên môn một cách linh hoạt, có kỹ năng tổ chức, điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả. <p>2.2 Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng cá nhân: Kỹ năng phát hiện, phân tích và đưa ra một số giải pháp khác nhau, áp dụng các tiêu chí để đánh giá, dự báo kết quả của từng giải pháp và lựa chọn giải pháp cho các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Quản trị Kinh doanh. - Kỹ năng làm việc nhóm: Phát hiện, tổ chức, phân công, đánh giá, đàm phán, giải quyết xung đột... để xây dựng và triển khai dự án kinh doanh. 								
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1" data-bbox="544 1962 1426 2101"> <thead> <tr> <th data-bbox="544 1962 639 2101">STT</th> <th data-bbox="639 1962 1082 2101">Các khối kiến thức</th> <th data-bbox="1082 1962 1246 2101">Định hướng ứng dụng</th> <th data-bbox="1246 1962 1426 2101">Định hướng nghiên cứu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table>	STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu				
STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu							

I	Khôi kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ
1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ
2	Tiếng Anh B1	7 tín chỉ	7 tín chỉ
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ
4	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ
II	Khôi kiến thức cơ sở	12 tín chỉ	12 tín chỉ
II.1	Các học phần bắt buộc	6 tín chỉ	6 tín chỉ
II.2	Các học phần tự chọn	6 tín chỉ	6 tín chỉ
III	Khôi kiến thức chuyên ngành	24 tín chỉ	18 tín chỉ
III.1	Các học phần bắt buộc	10 tín chỉ	10 tín chỉ
III.2	Các học phần tự chọn	14 tín chỉ	6 tín chỉ
III.3	Chuyên đề luận văn	0 tín chỉ	2 tín chỉ
IV	Luận văn	10 tín chỉ	16 tín chỉ

2. Các học phần ở trình độ thạc sĩ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu
I. Khôi kiến thức chung			14	14
1	BAS4101	Triết học	3	3
2	BAS4102	Tiếng Anh B1	7	7
3	IGF4101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2
4	BAS4105	Công cụ toán cho quản trị kinh doanh	2	2
II. Khôi kiến thức cơ sở			12	12
II.1. Các học phần bắt buộc			6	6
5	BSA4301	Kinh tế học quản lý	2	2
6	BSA4302	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2	2
7	BSA4303	Lãnh đạo trong tổ chức	2	2
II.2. Các học phần tự chọn (Chọn 03 trong 06 HP)			6	6
8	BSA4304	Pháp luật kinh doanh	2	2

9	BSA4305	Quản trị sự thay đổi	2	2
10	BSA4306	Ra quyết định quản trị		
11	BSA4307	Quản lý Nhà nước về thông tin và truyền thông	2	2
12	BSA4308	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh	2	2
13	BSA4309	Kinh tế lượng ứng dụng	2	2
III. Khối kiến thức chuyên ngành			24	18
III.1. Các học phần bắt buộc			10	10
14	BSA4410	Quản trị chiến lược nâng cao	2	2
15	BSA4411	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	2	2
16	BSA4412	Quản trị Marketing nâng cao	2	2
17	BSA4413	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	2	2
18	BSA4414	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	2	2
III.2. Các học phần tự chọn (<i>Định hướng ứng dụng: chọn 07 trong 14 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 03 trong 14 học phần</i>)			14	6
19	BSA4415	Quản trị thương hiệu nâng cao	2	2
20	BSA4416	Kế toán quản trị nâng cao	2	2
21	BSA4417	Quản trị thương mại điện tử	2	2
22	BSA4418	Phân tích và quản lý đầu tư	2	2
23	BSA4419	Kỹ năng quản trị	2	2
24	BSA4420	Quản trị rủi ro	2	2
25	BSA4421	Quản trị chuỗi cung ứng	2	2
26	BSA4422	Hành vi tổ chức	2	2
27	BSA4423	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	2	2
28	BSA4424	Kinh doanh quốc tế	2	2
29	BSA4425	Văn hóa kinh doanh	2	2
30	BSA4426	Chính sách kinh tế và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	2	2
III.3. Chuyên đề luận văn thạc sĩ			0	2
33	BSA4429	Chuyên đề luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh		2
IV. Luận văn thạc sĩ			10	16
34	BSA4530	Luận văn thạc sĩ quản trị kinh doanh	10	16
Tổng cộng:			60	60

3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tham gia và giải quyết tốt những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Quản trị Kinh doanh. - Có khả năng trở thành các doanh nhân, các nhà lãnh đạo, các chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý tại các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan. Khả năng làm việc trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế cũng như các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài. - Có khả năng tự tạo lập hoặc cùng liên kết để khởi sự thành lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng làm giàu cho bản thân và mang lại nhiều giá trị cho xã hội. - Có khả năng trở thành các cán bộ giảng dạy/giảng viên, cán bộ nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục Đại học và Viện nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý. - Có thể tiếp tục theo học chương trình đào tạo tiến sĩ Quản trị Kinh doanh ở trong nước hoặc ở ngoài nước theo những chuyên ngành phù hợp.
----	---	---

2.2.2 Khối ngành V

a. Ngành Kỹ thuật Điện tử (*Quyết định số 384/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc ban hành chương trình khung đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành*)

1.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng được hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B1 khung Châu Âu hoặc tương đương. - Hiểu và sử dụng thành thạo một số phương pháp nghiên cứu khoa học, mô hình toán học, công cụ mô phỏng phục vụ cho việc học tập các môn học khác và nghiên cứu khoa học. <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có các khả năng phát hiện, đánh giá phân tích và giải quyết vấn đề. - Hiểu, vận dụng và có khả năng trình bày lại các kiến thức nâng cao và chuyên sâu về các lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử. - Hiểu và vận dụng thành thạo một số kiến thức chuyên ngành nâng cao về Kỹ thuật Điện tử nhằm phục vụ cho các nghiên cứu trong
----	---	--

		<p>luận văn tốt nghiệp và làm chủ các công nghệ mới trong các lĩnh vực chuyên ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phân tích, thiết kế, thực hiện các hệ thống điện tử tin học, các hệ thống điện tử thông tin. - Có các khả năng quản lý các dự án các hệ thống điện tử, tham gia quản lý các quy trình thiết kế, sản xuất các thiết bị điện tử. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, vận dụng các kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, xây dựng sản phẩm phục vụ cho mục đích khoa học và đời sống. - Biết trình bày ý tưởng nghiên cứu, sản phẩm dưới dạng một báo cáo khoa học. - Đối với luận văn thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu cần có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; nội dung luận văn có đủ hàm lượng khoa học để có thể hình thành một bài báo khoa học. <p>2. Về kỹ năng</p> <p>2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng các công cụ tin học hỗ trợ trong công việc; biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin; biết tối ưu hóa phương pháp triển khai công việc. - Biết sử dụng các kiến thức chuyên môn một cách linh hoạt, có kỹ năng nghiên cứu và triển khai áp dụng kiến thức vào thực tế. <p>2.2 Kỹ năng cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sẵn sàng đương đầu các khó khăn trong khoa học và thực tiễn. - Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp điện tử, đa truyền thông và thuyết trình trước đám đông. - Biết cách hợp tác với các thành viên khác trong nhóm và chia sẻ thông tin trong nhóm. - Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu, học viên tốt nghiệp sẽ có khả năng nghiên cứu, khả năng viết, trình bày báo cáo nghiên cứu và các bài báo khoa học. 																												
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1" data-bbox="544 1496 1425 2096"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Các khối kiến thức</th> <th>Định hướng ứng dụng</th> <th>Định hướng nghiên cứu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>I</td> <td>Khối kiến thức chung</td> <td>14 tín chỉ</td> <td>14 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Triết học</td> <td>3 tín chỉ</td> <td>3 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Tiếng Anh B1</td> <td>7 tín chỉ</td> <td>7 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Phương pháp nghiên cứu khoa học</td> <td>2 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công cụ toán chuyên ngành</td> <td>2 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>II</td> <td>Khối kiến thức cơ sở</td> <td>10 tín chỉ</td> <td>10 tín chỉ</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	I	Khối kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ	1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ	2	Tiếng Anh B1	7 tín chỉ	7 tín chỉ	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ	4	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ	II	Khối kiến thức cơ sở	10 tín chỉ	10 tín chỉ
STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu																											
I	Khối kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ																											
1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ																											
2	Tiếng Anh B1	7 tín chỉ	7 tín chỉ																											
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ																											
4	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ																											
II	Khối kiến thức cơ sở	10 tín chỉ	10 tín chỉ																											

II.1	Các học phần bắt buộc	4 tín chỉ	4 tín chỉ
II.2	Các học phần tự chọn	6 tín chỉ	6 tín chỉ
III	Khôi kiến thức chuyên ngành	18 tín chỉ	12 tín chỉ
III.1	Các học phần bắt buộc	8 tín chỉ	8 tín chỉ
III.2	Các học phần tự chọn	10 tín chỉ	2 tín chỉ
III.3	Chuyên đề luận văn	0 tín chỉ	2 tín chỉ
IV	Luận văn	9 tín chỉ	15 tín chỉ

2. Các học phần ở trình độ thạc sĩ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu
I. Khôi kiến thức chung			14	14
1	BAS4101	Triết học	3	3
2	BAS4102	Tiếng Anh B1	7	7
3	IGF4101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2
4	BAS4103	Công cụ toán cho điện tử - viễn thông	2	2
II. Khôi kiến thức cơ sở			10	10
II.1. Các học phần bắt buộc			4	4
5	TEL4301	Truyền thông số nâng cao	2	2
6	ELE4301	Xử lý tín hiệu số nâng cao	2	2
II.2. Các học phần tự chọn (Chọn 03 trong 06 HP)			6	6
7	ELE4302	Lý thuyết thông tin nâng cao	2	2
8	ELE4303	Mật mã học nâng cao	2	2
9	TEL4302	Mô hình hóa và mô phỏng	2	2
10	TEL4304	Truyền thông đa phương tiện nâng cao	2	2
11	TEL4306	Lý thuyết và kỹ thuật anten	2	2
12	INT4306	Kiến trúc máy tính tiên tiến	2	
III. Khôi kiến thức chuyên ngành			18	12
III.1. Các học phần bắt buộc			8	8
13	ELE4404	Các công nghệ điện tử tiên tiến	2	2

		14	ELE4405	Quy trình sản xuất điện tử và quản lý	2	2
		15	ELE4406	Thiết kế điện tử tiên tiến	2	2
		16	ELE4407	Các chuyên đề điện tử nâng cao	2	2
		III.2. Các học phần tự chọn (<i>Định hướng ứng dụng: chọn 05 trong 10 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 01 trong 10 học phần</i>)			10	2
		17	ELE4408	Xử lý âm thanh nâng cao	2	2
		18	ELE4409	Xử lý ảnh nâng cao	2	2
		19	ELE4410	Công nghệ phát thanh truyền hình nâng cao	2	2
		20	ELE4411	Kỹ thuật robot	2	2
		21	ELE4412	Hệ thống điều khiển tự động nâng cao	2	2
		22	ELE4413	Quy trình sản xuất vi mạch bán dẫn	2	2
		23	ELE4414	Điện tử công nghiệp	2	2
		24	ELE4415	Hệ thống điện tử y sinh	2	2
		25	INT4411	Mạng máy tính và truyền số liệu nâng cao	2	2
		26	INT4420	Các kỹ thuật tối ưu	2	2
		III.3. Chuyên đề luận văn thạc sĩ			0	2
		27	ELE4416	Chuyên đề luận văn thạc sĩ kỹ thuật điện tử		2
		IV. Luận văn thạc sĩ			9	15
		28	ELE4517	Luận văn thạc sĩ kỹ thuật điện tử	9	15
		Tổng cộng:			51	51
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên cao học sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ có khả năng tham gia giải quyết những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử. - Học viên cao học sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ có thể đảm nhiệm các vị trí giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử. - Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu: Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Kỹ thuật Điện tử. 				

b. Ngành Kỹ thuật Viễn thông (*Quyết định số 383/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành*)

1.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng,	1. Về kiến thức 1.1 Kiến thức chung
----	-------------------------------	--

<p>trình độ ngoại ngữ đạt được</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng được hệ thống tri thức khoa học, những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B1 khung Châu Âu hoặc tương đương. - Hiểu và sử dụng thành thạo một số phương pháp nghiên cứu khoa học, mô hình toán học, công cụ mô phỏng phục vụ cho việc học tập các môn học khác và nghiên cứu khoa học. <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có các khả năng phát hiện, đánh giá phân tích và giải quyết vấn đề. - Hiểu, vận dụng và có khả năng trình bày các kiến thức nâng cao và chuyên sâu về các lĩnh vực cụ thể của ngành Điện tử - Truyền thông. - Hiểu và vận dụng thành thạo một số kiến thức chuyên ngành nâng cao về Kỹ thuật Viễn thông nhằm phục vụ cho các nghiên cứu trong luận văn tốt nghiệp và làm chủ các công nghệ mới trong lĩnh vực chuyên ngành, cụ thể là: <ul style="list-style-type: none"> + Công nghệ mạng viễn thông thế hệ mới; + Thông tin vô tuyến và di động; + Truyền thông quang; + Truyền thông đa phương tiện; + Thiết kế và quy hoạch mạng; + Vấn đề an toàn và bảo mật thông tin. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, vận dụng các kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, xây dựng sản phẩm phục vụ cho mục đích khoa học và đời sống. - Biết trình bày ý tưởng nghiên cứu, trình bày sản phẩm dưới dạng một báo cáo khoa học. - Đối với luận văn thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu cần có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; nội dung luận văn có đủ hàm lượng khoa học để có thể hình thành một bài báo khoa học. <p>2. Về kỹ năng</p> <p>2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng các công cụ tin học hỗ trợ trong công việc; biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin; biết tối ưu hóa phương pháp triển khai công việc. - Biết sử dụng các kiến thức chuyên môn một cách linh hoạt, có kỹ năng nghiên cứu và triển khai áp dụng kiến thức vào
------------------------------------	--

		<p>thực tế.</p> <p>2.2 Kỹ năng cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sẵn sàng đương đầu các khó khăn trong khoa học và thực tiễn. - Biết cách lập luận, sắp xếp ý tưởng, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp điện tử, đa truyền thông và thuyết trình trước đám đông. - Biết cách hợp tác với các thành viên khác trong nhóm và chia sẻ thông tin trong nhóm. - Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu, học viên tốt nghiệp sẽ có khả năng nghiên cứu, khả năng viết, trình bày báo cáo nghiên cứu và các bài báo khoa học. 																																																																	
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1" data-bbox="544 714 1425 1879"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Các khối kiến thức</th> <th>Định hướng ứng dụng</th> <th>Định hướng nghiên cứu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>I</td> <td>Khối kiến thức chung</td> <td>14 tín chỉ</td> <td>14 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Triết học</td> <td>3 tín chỉ</td> <td>3 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Tiếng Anh B1</td> <td>7 tín chỉ</td> <td>7 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Phương pháp nghiên cứu khoa học</td> <td>2 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công cụ toán chuyên ngành</td> <td>2 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>II</td> <td>Khối kiến thức cơ sở</td> <td>10 tín chỉ</td> <td>10 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>II.1</td> <td>Các học phần bắt buộc</td> <td>4 tín chỉ</td> <td>4 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>II.2</td> <td>Các học phần tự chọn</td> <td>6 tín chỉ</td> <td>6 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>III</td> <td>Khối kiến thức chuyên ngành</td> <td>18 tín chỉ</td> <td>12 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>III.1</td> <td>Các học phần bắt buộc</td> <td>8 tín chỉ</td> <td>8 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>III.2</td> <td>Các học phần tự chọn</td> <td>10 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>III.3</td> <td>Chuyên đề luận văn</td> <td>0 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>IV</td> <td>Luận văn</td> <td>9 tín chỉ</td> <td>15 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td></td> <td>Tổng cộng</td> <td>51 tín chỉ</td> <td>51 tín chỉ</td> </tr> </tbody> </table> <p>2. Các học phần ở trình độ thạc sĩ</p> <table border="1" data-bbox="544 1939 1442 1980"> <thead> <tr> <th>S</th> <th>T</th> <th>Mã HP</th> <th>Tên học phần</th> <th>Số TC</th> </tr> </thead> </table>	STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	I	Khối kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ	1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ	2	Tiếng Anh B1	7 tín chỉ	7 tín chỉ	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ	4	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ	II	Khối kiến thức cơ sở	10 tín chỉ	10 tín chỉ	II.1	Các học phần bắt buộc	4 tín chỉ	4 tín chỉ	II.2	Các học phần tự chọn	6 tín chỉ	6 tín chỉ	III	Khối kiến thức chuyên ngành	18 tín chỉ	12 tín chỉ	III.1	Các học phần bắt buộc	8 tín chỉ	8 tín chỉ	III.2	Các học phần tự chọn	10 tín chỉ	2 tín chỉ	III.3	Chuyên đề luận văn	0 tín chỉ	2 tín chỉ	IV	Luận văn	9 tín chỉ	15 tín chỉ		Tổng cộng	51 tín chỉ	51 tín chỉ	S	T	Mã HP	Tên học phần	Số TC
STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu																																																																
I	Khối kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ																																																																
1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ																																																																
2	Tiếng Anh B1	7 tín chỉ	7 tín chỉ																																																																
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ																																																																
4	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ																																																																
II	Khối kiến thức cơ sở	10 tín chỉ	10 tín chỉ																																																																
II.1	Các học phần bắt buộc	4 tín chỉ	4 tín chỉ																																																																
II.2	Các học phần tự chọn	6 tín chỉ	6 tín chỉ																																																																
III	Khối kiến thức chuyên ngành	18 tín chỉ	12 tín chỉ																																																																
III.1	Các học phần bắt buộc	8 tín chỉ	8 tín chỉ																																																																
III.2	Các học phần tự chọn	10 tín chỉ	2 tín chỉ																																																																
III.3	Chuyên đề luận văn	0 tín chỉ	2 tín chỉ																																																																
IV	Luận văn	9 tín chỉ	15 tín chỉ																																																																
	Tổng cộng	51 tín chỉ	51 tín chỉ																																																																
S	T	Mã HP	Tên học phần	Số TC																																																															

			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu
I. Khối kiến thức chung			14	14
1	BAS4101	Triết học	3	3
2	BAS4102	Tiếng Anh B1	7	7
3	IGF4101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2
4	BAS4103	Công cụ toán cho điện tử - viễn thông	2	
II. Khối kiến thức cơ sở			10	10
II.1. Các học phần bắt buộc			4	4
5	TEL4301	Truyền thông số nâng cao	2	2
6	ELE4301	Xử lý tín hiệu số nâng cao	2	2
II.2. Các học phần tự chọn (Chọn 03 trong 06 HP)			6	6
7	TEL4302	Mô hình hóa và mô phỏng	2	2
8	TEL4303	Lý thuyết hàng đợi và ứng dụng	2	2
9	TEL4304	Truyền thông đa phương tiện nâng cao	2	2
10	TEL4305	Lý thuyết thống kê trong viễn thông	2	2
11	TEL4306	Lý thuyết và kỹ thuật anten	2	2
12	INT4328	Kỹ thuật lập trình ứng dụng trong viễn thông	2	2
III. Khối kiến thức chuyên ngành			18	12
III.1. Các học phần bắt buộc			8	8
13	TEL4407	Thông tin vô tuyến nâng cao	2	2
14	TEL4408	Thông tin quang nâng cao	2	2
15	TEL4409	Công nghệ mạng viễn thông thế hệ mới	2	2
16	TEL4410	Các chuyên đề viễn thông hiện đại	2	2
III.2. Các học phần tự chọn (Định hướng ứng dụng: chọn 05 trong 10 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 02 trong 10 học phần)			10	2
17	TEL4411	Thiết kế và qui hoạch mạng	2	2
18	TEL4412	Mạng Ad-hoc nâng cao	2	2
19	TEL4413	Phân tích và đánh giá hiệu năng hệ thống thông tin	2	2
20	TEL4414	Quang sợi phi tuyến	2	2

		21	TEL4415	Công nghệ truy nhập quang vô tuyến băng rộng	2	2
		22	ELE4405	Các công nghệ điện tử tiên tiến	2	2
		23	INT4408	An toàn thông tin nâng cao	2	
		24	INT4411	Mạng máy tính và truyền số liệu nâng cao	2	2
		25	INT4417	Điện toán đám mây	2	2
		26	INT4425	Dịch vụ Web	2	2
		III.3. Chuyên đề luận văn thạc sĩ			0	2
		27	TEL4416	Chuyên đề luận văn thạc sĩ kỹ thuật viễn thông		2
		IV. Luận văn thạc sĩ			9	15
		28	TEL 4517	Luận văn thạc sĩ kỹ thuật viễn thông	9	15
		Tổng cộng:			51	51
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Học viên cao học sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ có khả năng tham gia giải quyết những vấn đề nghiên cứu cơ bản cũng như ứng dụng trong lĩnh vực Kỹ thuật Viễn thông. - Học viên cao học sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ có thể đảm nhiệm các vị trí giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các cơ quan nghiên cứu và làm việc tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật Viễn thông. - Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu: Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Kỹ thuật Viễn thông. 				

c. Ngành Hệ thống thông tin (*Quyết định số 383/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành*)

1.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng được hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội; - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B1 khung Châu Âu hoặc tương đương. - Hiểu và sử dụng thành thạo một số phương pháp nghiên cứu khoa học, mô hình toán học, công cụ mô phỏng phục vụ cho việc học tập các môn học khác và nghiên cứu khoa học. <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p>
----	---	--

		<p>Sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ ngành Hệ thống Thông tin, học viên có những khả năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tốt các nguyên lý, lý thuyết hệ thống thông tin trong việc đáp ứng nhu cầu xử lý thông tin cho các tổ chức; - Có khả năng vận dụng các công cụ trong việc đặc tả, phân tích, xây dựng, triển khai, bảo trì các hệ thống dựa trên máy tính; - Đánh giá và thử nghiệm các giải pháp và hệ thống thông tin cho tổ chức và doanh nghiệp; - Đối với chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu: tiến hành nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Hệ thống Thông tin. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, vận dụng các kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, xây dựng sản phẩm phục vụ cho mục đích khoa học và đời sống; - Biết trình bày ý tưởng nghiên cứu, trình bày sản phẩm dưới dạng một báo cáo khoa học; - Đối với luận văn thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu cần có đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; nội dung luận văn có đủ hàm lượng khoa học để có thể hình thành một bài báo khoa học. <p>2. Về kỹ năng</p> <p>2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng các công cụ tin học hỗ trợ trong công việc; biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin; biết tối ưu hóa phương pháp triển khai công việc; - Biết sử dụng các kiến thức chuyên môn một cách linh hoạt, có kỹ năng nghiên cứu và triển khai áp dụng kiến thức vào thực tế. <p>2.2 Kỹ năng cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành); - Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu, học viên tốt nghiệp sẽ có khả năng nghiên cứu, khả năng viết, trình bày báo cáo nghiên cứu và các bài báo khoa học. 								
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1" data-bbox="544 1865 1425 2076"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Các khối kiến thức</th> <th>Định hướng ứng dụng</th> <th>Định hướng nghiên cứu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>I</td> <td>Khối kiến thức chung</td> <td>14 tín chỉ</td> <td>14 tín chỉ</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	I	Khối kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ
STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu							
I	Khối kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ							

1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ
2	Tiếng Anh B1	7 tín chỉ	7 tín chỉ
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ
4	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ
II	Khởi kiến thức cơ sở	10 tín chỉ	10 tín chỉ
II.1	Các học phần bắt buộc	4 tín chỉ	4 tín chỉ
II.2	Các học phần tự chọn	6 tín chỉ	6 tín chỉ
III	Khởi kiến thức chuyên ngành	18 tín chỉ	12 tín chỉ
III.1	Các học phần bắt buộc	8 tín chỉ	8 tín chỉ
III.2	Các học phần tự chọn	10 tín chỉ	2 tín chỉ
III.3	Chuyên đề luận văn	0 tín chỉ	2 tín chỉ
IV	Luận văn	9 tín chỉ	15 tín chỉ
	Tổng cộng	51 tín chỉ	51 tín chỉ

2. Các học phần ở trình độ thạc sĩ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu
I. Khởi kiến thức chung			14	14
1	BAS4101	Triết học	3	3
2	BAS4102	Tiếng Anh B1	7	7
3	IGF4101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2
4	INT4101	Công cụ toán cho công nghệ thông tin	2	2
II. Khởi kiến thức cơ sở			10	10
II.1. Các học phần bắt buộc			4	4
5	INT4302	Thuật toán nâng cao	2	2
6	INT4303	Cơ sở dữ liệu nâng cao	2	2
II.2. Các học phần tự chọn (Chọn 03 trong 06 HP)			6	6
7	INT4304	Trí tuệ nhân tạo	2	
8	INT4305	Khai phá dữ liệu	2	2

		9	INT4306	Kiến trúc máy tính tiên tiến	2	2
		10	INT4307	Các mô hình lập trình tiên tiến	2	2
		11	ELE4303	Mật mã học nâng cao	2	2
		12	TEL4304	Truyền thông đa phương tiện nâng cao	2	2
		III. Khối kiến thức chuyên ngành			18	12
		III.1. Các học phần bắt buộc			8	8
		13	INT4408	An toàn thông tin nâng cao	2	2
		14	INT4409	Các hệ thống phân tán	2	2
		15	INT4410	Kiến trúc hệ thống thông tin	2	2
		16	INT4411	Mạng máy tính và truyền số liệu nâng cao	2	2
		III.2. Các học phần tự chọn (Định hướng ứng dụng: chọn 05 trong 10 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 01 trong 10 học phần)			14	6
		17	INT4412	Hệ điều hành mạng	2	2
		18	INT4413	Tìm kiếm và truy xuất thông tin	2	2
		19	INT4414	Quản trị mạng	2	2
		20	INT4415	Thị giác máy tính	2	2
		21	INT4416	Thiết kế và tối ưu mạng	2	2
		22	INT4417	Điện toán đám mây	2	2
		23	INT4418	Dữ liệu lớn	2	2
		24	INT4419	Hệ thống thông tin doanh nghiệp	2	2
		25	ELE4408	Xử lý âm thanh nâng cao	2	2
		26	TEL4409	Công nghệ mạng viễn thông thế hệ mới	2	2
		III.3. Chuyên đề luận văn thạc sĩ			0	2
		27	INT4429	Chuyên đề luận văn thạc sĩ hệ thống thông tin		2
		IV. Luận văn thạc sĩ			9	15
		28	INT4531	Luận văn thạc sĩ hệ thống thông tin	9	15
		Tổng cộng:			51	51
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết vấn đề trong phạm vi kiến thức được trang bị; - Tự thích ứng và cập nhật trình độ theo mức độ phát triển của hệ thống thông tin, tự nghiên cứu, tìm giải pháp cho những vấn đề mới, kể cả những vấn đề liên quan ngoài phạm vi kiến thức đã được trang bị; - Có khả năng đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các nhóm công tác triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin-truyền thông; 				

	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn các giải pháp liên quan đến hệ thống thông tin; - Có thể tham gia các nhóm nghiên cứu liên quan tới hệ thống thông tin; - Có thể tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học để đạt được trình độ cao hơn về hệ thống thông tin; - Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu: Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Hệ thống Thông tin.
--	--

d. Ngành Khoa học máy tính (*Quyết định số 383/QĐ-HV ngày 30/06/2015 của Giám đốc Học viện về việc hiệu chỉnh chương trình khung đào tạo trình độ thạc sĩ các chuyên ngành*)

1.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>1.1 Kiến thức chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng được hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. - Tiếng Anh tối thiểu đạt trình độ B1 khung Châu Âu hoặc tương đương. - Hiểu và sử dụng thành thạo một số phương pháp nghiên cứu khoa học, mô hình toán học, công cụ mô phỏng phục vụ cho việc học tập các môn học khác và nghiên cứu khoa học. <p>1.2 Kiến thức ngành/chuyên ngành</p> <p>Sau khi hoàn thành chương trình Thạc sĩ ngành Khoa học Máy tính, học viên có những khả năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tốt các nguyên lý, lý thuyết khoa học máy tính cho các vấn đề thực tế; - Xác định và phân tích yêu cầu đối với các vấn đề cụ thể, lên kế hoạch và tìm giải pháp dựa trên máy tính cho vấn đề; - Đánh giá và thử nghiệm giải pháp dựa trên máy tính; - Có khả năng vận dụng các công cụ trong việc đặc tả, phân tích, xây dựng, triển khai, bảo trì các hệ thống dựa trên máy tính; - Đối với chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu: tiến hành nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học máy tính. <p>1.3 Yêu cầu đối với luận văn tốt nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, vận dụng các kiến thức chuyên môn để nghiên cứu, xây dựng sản phẩm phục vụ cho mục đích khoa học và đời sống. - Biết trình bày ý tưởng nghiên cứu, trình bày sản phẩm dưới dạng một báo cáo khoa học. - Đối với luận văn thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu cần có
----	---	--

		<p>đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc chuyên ngành đào tạo; nội dung luận văn có đủ hàm lượng khoa học để hình thành một bài báo khoa học.</p> <p>2. Về kỹ năng</p> <p>2.1 Kỹ năng nghề nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng các công cụ tin học hỗ trợ trong công việc; biết tìm kiếm, cập nhật, tổng hợp, khai thác thông tin; biết tối ưu hóa phương pháp triển khai công việc; - Biết sử dụng các kiến thức chuyên môn một cách linh hoạt, có kỹ năng nghiên cứu và triển khai áp dụng kiến thức vào thực tế. <p>2.2 Kỹ năng cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành); - Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu, học viên tốt nghiệp sẽ có khả năng nghiên cứu, khả năng viết, trình bày báo cáo nghiên cứu và các bài báo khoa học 																																																				
2.	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	<p>1. Cấu trúc chương trình đào tạo</p> <table border="1" data-bbox="544 1025 1425 2042"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Các khối kiến thức</th> <th>Định hướng ứng dụng</th> <th>Định hướng nghiên cứu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>I</td> <td>Khối kiến thức chung</td> <td>14 tín chỉ</td> <td>14 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Triết học</td> <td>3 tín chỉ</td> <td>3 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Tiếng Anh B1</td> <td>7 tín chỉ</td> <td>7 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Phương pháp nghiên cứu khoa học</td> <td>2 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Công cụ toán chuyên ngành</td> <td>2 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>II</td> <td>Khối kiến thức cơ sở</td> <td>10 tín chỉ</td> <td>10 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>II.1</td> <td>Các học phần bắt buộc</td> <td>4 tín chỉ</td> <td>4 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>II.2</td> <td>Các học phần tự chọn</td> <td>6 tín chỉ</td> <td>6 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>III</td> <td>Khối kiến thức chuyên ngành</td> <td>18 tín chỉ</td> <td>12 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>III.1</td> <td>Các học phần bắt buộc</td> <td>8 tín chỉ</td> <td>8 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>III.2</td> <td>Các học phần tự chọn</td> <td>10 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> <tr> <td>III.3</td> <td>Chuyên đề luận văn</td> <td>0 tín chỉ</td> <td>2 tín chỉ</td> </tr> </tbody> </table>	STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu	I	Khối kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ	1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ	2	Tiếng Anh B1	7 tín chỉ	7 tín chỉ	3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ	4	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ	II	Khối kiến thức cơ sở	10 tín chỉ	10 tín chỉ	II.1	Các học phần bắt buộc	4 tín chỉ	4 tín chỉ	II.2	Các học phần tự chọn	6 tín chỉ	6 tín chỉ	III	Khối kiến thức chuyên ngành	18 tín chỉ	12 tín chỉ	III.1	Các học phần bắt buộc	8 tín chỉ	8 tín chỉ	III.2	Các học phần tự chọn	10 tín chỉ	2 tín chỉ	III.3	Chuyên đề luận văn	0 tín chỉ	2 tín chỉ
STT	Các khối kiến thức	Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu																																																			
I	Khối kiến thức chung	14 tín chỉ	14 tín chỉ																																																			
1	Triết học	3 tín chỉ	3 tín chỉ																																																			
2	Tiếng Anh B1	7 tín chỉ	7 tín chỉ																																																			
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 tín chỉ	2 tín chỉ																																																			
4	Công cụ toán chuyên ngành	2 tín chỉ	2 tín chỉ																																																			
II	Khối kiến thức cơ sở	10 tín chỉ	10 tín chỉ																																																			
II.1	Các học phần bắt buộc	4 tín chỉ	4 tín chỉ																																																			
II.2	Các học phần tự chọn	6 tín chỉ	6 tín chỉ																																																			
III	Khối kiến thức chuyên ngành	18 tín chỉ	12 tín chỉ																																																			
III.1	Các học phần bắt buộc	8 tín chỉ	8 tín chỉ																																																			
III.2	Các học phần tự chọn	10 tín chỉ	2 tín chỉ																																																			
III.3	Chuyên đề luận văn	0 tín chỉ	2 tín chỉ																																																			

IV	Luận văn	9 tín chỉ	15 tín chỉ
	Tổng cộng	51 tín chỉ	51 tín chỉ

2. Các học phần ở trình độ thạc sĩ

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	
			Định hướng ứng dụng	Định hướng nghiên cứu
I. Khối kiến thức chung			14	14
1	BAS4101	Triết học	3	3
2	BAS4102	Tiếng Anh B1	7	7
3	IGF4101	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2
4	INT4101	Công cụ toán cho công nghệ thông tin	2	2
II. Khối kiến thức cơ sở			10	10
II.1. Các học phần bắt buộc			4	4
5	INT4302	Thuật toán nâng cao	2	2
6	INT4304	Trí tuệ nhân tạo	2	2
II.2. Các học phần tự chọn (Chọn 03 trong 06 HP)			6	6
7	INT4303	Cơ sở dữ liệu nâng cao	2	2
8	INT4305	Khai phá dữ liệu	2	2
9	INT4306	Kiến trúc máy tính tiên tiến	2	2
10	INT4307	Các mô hình lập trình tiên tiến	2	2
11	ELE4303	Mật mã học nâng cao	2	2
12	TEL4304	Truyền thông đa phương tiện nâng cao	2	2
III. Khối kiến thức chuyên ngành			18	12
III.1. Các học phần bắt buộc			8	8
13	INT4420	Các kỹ thuật tối ưu	2	2
14	INT4421	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	2	2
15	INT4415	Thị giác máy tính	2	2
16	INT4411	Mạng máy tính và truyền số liệu nâng cao	2	2
III.2. Các học phần tự chọn (Định hướng ứng dụng: chọn 05 trong 10 học phần; Định hướng nghiên cứu: chọn 01 trong 10 học phần)			10	2
17	INT4408	An toàn thông tin nâng cao	2	2

		18	INT4412	Hệ điều hành mạng	2	2
		19	INT4413	Tìm kiếm và truy xuất thông tin	2	2
		20	INT4422	Tính toán phân tán	2	2
		21	INT4423	Công nghệ phần mềm nhúng	2	2
		22	INT4424	Tin sinh học	2	2
		23	INT4425	Dịch vụ Web	2	2
		24	INT4426	Công nghệ phần mềm hướng Agent	2	2
		25	INT4427	Mô hình hóa và mô phỏng các hệ thống phức tạp	2	2
		26	ELE4408	Xử lý âm thanh nâng cao	2	2
		III.3. Chuyên đề luận văn thạc sĩ			0	2
		27	INT4430	Chuyên đề luận văn thạc sĩ khoa học máy tính		2
		IV. Luận văn thạc sĩ			9	15
		28	INT4532	Luận văn thạc sĩ khoa học máy tính	9	15
		Tổng cộng:			51	51
3.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết vấn đề trong phạm vi kiến thức được trang bị; - Tự thích ứng và cập nhật trình độ theo mức độ phát triển của khoa học máy tính, tự nghiên cứu, tìm giải pháp cho những vấn đề mới, kể cả những vấn đề liên quan ngoài phạm vi kiến thức đã được trang bị; - Có khả năng đảm nhiệm vai trò chủ chốt trong các nhóm công tác triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin-truyền thông; - Có thể tham gia các nhóm nghiên cứu liên quan tới khoa học máy tính; - Có thể tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học để đạt được trình độ cao hơn về khoa học máy tính; - Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu: Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Khoa học Máy tính. 				

3. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

3.1 Khôi ngành III

- a. Ngành Quản trị kinh doanh (Ngày 24/06/2016, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 591/QĐ-HV về việc hiệu chỉnh chương trình khung giáo dục đại học ngành Quản trị kinh doanh – trình độ đại học)

1.	Điều kiện tuyển sinh	- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình
----	----------------------	--

		<p><i>độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức</p> <p>Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể sau:</p> <p>Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.</p> <p>Kiến thức cơ sở ngành và ngành: trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện và hiện đại về kinh tế và quản trị doanh nghiệp như kinh tế học, marketing, sản xuất, tài chính, nhân sự, chiến lược kinh doanh,...</p> <p>Kiến thức chuyên ngành: Sau khi học phần kiến thức ngành sinh viên sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu về quản trị kinh doanh quốc tế; quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông; quản trị marketing; quản trị nguồn nhân lực hoặc thương mại điện tử.</p> <p>2. Kỹ năng</p> <p>Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp</p> <p>Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp có những kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp; - Tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; - Nghiên cứu, phát triển thị trường phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp; - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và thành lập các doanh nghiệp hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh dịch vụ. <p>Chuyên ngành Quản trị Marketing</p> <p>Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị Marketing có những kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng chuyên sâu về phát triển, tổ chức thực hiện và

	<p>quản lý các hoạt động marketing;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu thị trường và môi trường kinh doanh để phát hiện, đánh giá và lựa chọn các cơ hội kinh doanh; - Xây dựng và thực hiện các kế hoạch marketing nhằm khai thác các cơ hội kinh doanh mang lại lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp; - Thực hiện những hoạt động kinh doanh cụ thể trên thị trường trong nước và quốc tế như quản lý bán hàng, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, quản lý thương hiệu; - Tiếp cận với kiến thức quản trị marketing tiên tiến hiện đại trên thế giới. <p style="text-align: center;">Chuyên ngành Thương mại điện tử</p> <p>Người tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Thương mại điện tử có những kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nghiên cứu, xây dựng, triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh; - Xây dựng, vận hành website thương mại điện tử; - Khai thác thông tin và thực hiện quá trình kinh doanh trên mạng internet; - Có kỹ năng quản trị marketing, giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và đối tác. <p>3. Hành vi đạo đức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn. - Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước. - Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời. <p>4. Kỹ năng mềm</p> <p>Sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.</p> <p>5. Trình độ ngoại ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương. - Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.
--	--

3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 1
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học ở các chuyên ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận tốt các vị trí là cán bộ quản lý kinh doanh; phát triển trị trường; quản trị marketing; nghiên cứu phân tích thị trường; quản trị nguồn nhân lực; kinh doanh xuất nhập khẩu trong các doanh nghiệp. - Có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân. - Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về quản trị kinh doanh tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo.

b. **Ngành Kế toán** (Ngày 17/05/2016, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 485/QĐ-HV về việc hiệu chỉnh chương trình khung giáo dục đại học ngành Kế toán - trình độ đại học)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (<i>theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên</i>) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (<i>trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi</i>
----	----------------------	--

		<p><i>hành</i>) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức</p> <p>Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể sau:</p> <p>Kiến thức giáo dục đại cương:</p> <p>Sinh viên được trang bị các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.</p> <p>Kiến thức cơ sở ngành và ngành:</p> <p>Sinh viên ra trường nắm vững những kiến thức cơ bản và hiện đại về kinh tế-xã hội, quản trị kinh doanh, thông qua các môn học như kinh tế học, xác suất thống kê, marketing, luật kinh doanh.</p> <p>Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>Sinh viên ra trường được trang bị kiến thức chuyên sâu về ngành kế toán thông qua các môn học như quy trình công nghệ kế toán, kiểm toán, phân tích hoạt động kinh doanh; kế toán quản trị, tài chính, phân tích tài chính, thuế, kiểm toán.</p> <p>2. Kỹ năng</p> <p>Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình Cử nhân Kế toán có các kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững luận cứ và thực thi quy trình công nghệ kế toán; - Nắm vững luận cứ và thực thi quy trình công nghệ kiểm toán cơ bản; - Nắm vững nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp; - Kỹ năng nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp; - Nắm vững các chuẩn mực kế toán của Việt Nam; - Hiểu biết về các nguyên lý kế toán và chuẩn mực kế toán quốc tế, tương đương trình độ ACCA và CFA cấp độ căn bản. <p>3. Hành vi đạo đức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn. - Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về

		<p>những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời. <p>4. Kỹ năng mềm</p> <p>Sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.</p> <p>5. Trình độ ngoại ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương. - Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 2
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học trong nước hoặc ở nước ngoài.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận tốt các vị trí tại các bộ phận chức năng kế toán, kiểm toán ở các doanh nghiệp; các Bộ, ngành và các cơ quan nhà nước; các đơn vị liên doanh liên kết; các ngân hàng hoặc các tổ chức quốc tế;

		<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng đảm đương hoặc tham gia các hoạt động hoạch định chính sách kế toán/kiểm toán, và tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp; - Có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân. - Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về kế toán, kiểm toán tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo;
--	--	---

c. **Ngành Marketing** (Ngày 16/04/2018, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 523/QĐ-HV về việc sửa đổi, bổ sung chương trình khung giáo dục đại học ngành Marketing - trình độ đại học)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (<i>theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên</i>) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (<i>trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện. - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Mục tiêu chung</p> <p>Chương trình đào tạo ngành Marketing nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực cần thiết để làm chủ tư duy phân tích, chiến lược và sử dụng các phương pháp, công cụ marketing số để phát triển và thành công trong thế giới số luôn thay đổi. Cụ thể, sinh viên tốt nghiệp tất cả các chuyên ngành của ngành Marketing có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được một cách phù hợp các kiến thức và kỹ năng chuyên môn để phân tích, phát hiện và giải quyết những vấn đề về marketing của tổ chức và doanh nghiệp (phân tích cơ hội thị trường, xác định mục tiêu và định vị thị trường, chiến lược marketing, thiết kế và triển khai các hoạt động marketing tác nghiệp, kiểm tra và đánh giá hoạt động marketing) - Vận dụng được các kiến thức và kỹ năng về marketing vào thực tiễn hoạt động marketing trong bối cảnh môi trường marketing biến động và đang số hóa mạnh mẽ - Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng xã hội và kỹ năng cá

		<p>nhân phù hợp với các chuyên ngành được đào tạo để làm việc một cách độc lập và làm việc nhóm hiệu quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp được bằng tiếng anh và sử dụng được các kiến thức về ICT và chuyên ngành cũng như các kỹ năng chuyên sâu được đào tạo nhằm nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động marketing của tổ chức/doanh nghiệp <p>2. Mục tiêu riêng của các chuyên ngành</p> <p>Sau khi kết thúc các môn học kiến thức ngành, sinh viên có thể lựa chọn hướng học tập và nghiên cứu chuyên sâu về Internet Marketing, Phân tích dữ liệu marketing số hoặc Truyền thông Marketing với các mục tiêu cụ thể sau:</p> <p>2.1 Chuyên ngành Internet Marketing</p> <p>Chuyên ngành này có mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng tư duy chiến lược nền tảng về Internet Marketing cũng như các kiến thức và kỹ năng cần thiết nhằm thực hành các công cụ marketing trong kỷ nguyên số, giúp sinh viên có khả năng quản lý, xây dựng kế hoạch marketing và quảng bá hiệu quả trên Internet. Mục tiêu cụ thể của chuyên ngành này là giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên môn nhằm xây dựng và triển khai, đánh giá các chiến dịch Internet marketing một cách phù hợp với thực tiễn môi trường marketing của tổ chức, doanh nghiệp; - Vận dụng được một cách phù hợp các kiến thức và kỹ năng chuyên môn được đào tạo trong chuyên ngành nhằm thực hiện các hoạt động tác nghiệp liên quan đến Internet marketing, bao gồm: phân tích web, marketing qua phương tiện truyền thông xã hội, marketing qua công cụ tìm kiếm, biên tập web. <p>2.2 Chuyên ngành Phân tích dữ liệu marketing số</p> <p>Mục tiêu của chuyên ngành này là nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng vững chắc về khai thác, phân tích và sử dụng dữ liệu marketing trong môi trường số năng động. Mục tiêu cụ thể của chuyên ngành này là giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên môn được đào tạo trong chuyên ngành một cách phù hợp nhằm phân tích, diễn giải và sử dụng dữ liệu để định hướng các hoạt động kinh doanh và marketing, cũng như để trả lời các câu hỏi marketing mà các doanh nghiệp và tổ chức gặp phải; - Vận dụng được một cách phù hợp các kiến thức chuyên sâu về phương pháp và công cụ khai phá dữ liệu phục vụ cho các quyết định marketing trong thực tiễn các tổ chức/doanh nghiệp, cũng như sử dụng dữ liệu vào việc đưa ra các quyết định marketing và giải quyết các vấn đề kinh doanh nói chung của
--	--	--

doanh nghiệp.

2.3 Chuyên ngành Truyền thông Marketing

Mục tiêu của chuyên ngành này là nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và hệ thống về hoạt động truyền thông marketing để phân tích, nghiên cứu, hoạch định và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động truyền thông marketing trong doanh nghiệp. Mục tiêu cụ thể của chuyên ngành này là giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể:

- Vận dụng các kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên môn nhằm xây dựng và triển khai, đánh giá các hoạt động/chiến dịch truyền thông marketing một cách phù hợp với thực tiễn môi trường marketing của tổ chức, doanh nghiệp;
- Vận dụng được một cách phù hợp các kiến thức và kỹ năng chuyên môn được đào tạo trong chuyên ngành nhằm thực hành một số công cụ truyền thông marketing, bao gồm: marketing trực tiếp, quan hệ công chúng, quảng cáo, ...

3. Kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành marketing sẽ đạt các chuẩn đầu ra về kỹ năng như sau:

3.1 Kỹ năng chuyên môn chung

- Vận dụng được kỹ năng chuyên môn cần thiết liên quan đến nghiên cứu marketing vào thực tiễn nhằm phục vụ cho các quyết định marketing của doanh nghiệp/tổ chức;
- Vận dụng được một cách phù hợp tư duy phân tích và kỹ năng thấu hiểu, tiếp cận khách hàng;
- Vận dụng được các kỹ năng cần thiết để triển khai các phương pháp, công cụ digital marketing trong thực tiễn môi trường số của doanh nghiệp/tổ chức hiện nay;
- Hiểu và vận dụng được các kỹ năng cần thiết liên quan đến hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động marketing trong môi trường số.

3.2 Kỹ năng chuyên môn chuyên ngành

a) Chuyên ngành Internet Marketing

- Phát triển được kỹ năng tư duy phân tích và lập kế hoạch hoạt động Internet marketing;
- Vận dụng được các kỹ năng cần thiết để thực hành triển khai hoạt động Internet marketing trong thực tiễn môi trường marketing của doanh nghiệp/tổ chức;
- Vận dụng được các kỹ năng tác nghiệp cơ bản để thực hành các hoạt động tác nghiệp liên quan đến Internet marketing, bao hàm: phân tích web, marketing qua phương tiện truyền thông xã hội, marketing qua công cụ tìm kiếm, biên tập web.

b) Chuyên ngành Phân tích dữ liệu marketing số

- Phát triển kỹ năng tư duy phân tích, diễn giải và sử dụng dữ liệu để định hướng các hoạt động kinh doanh và marketing,

cũng như để trả lời các câu hỏi marketing mà các doanh nghiệp/tổ chức gặp phải;

- Được trang bị các kỹ năng cần thiết để thực hành phân tích dữ liệu marketing số;

- Được trang bị các kỹ năng cần thiết để diễn giải dữ liệu và truyền đạt những hiểu biết sâu sắc về tối đa hóa giá trị chiến lược của doanh nghiệp.

c) Chuyên ngành Truyền thông marketing

- Phát triển kỹ năng tư duy phân tích và lập kế hoạch truyền thông marketing;

- Được trang bị các kỹ năng cần thiết để thực hành triển khai hoạt động truyền thông marketing trong thực tiễn;

- Được trang bị các kỹ năng tác nghiệp cơ bản để thực hành một số công cụ truyền thông marketing, bao hàm: marketing trực tiếp, quan hệ công chúng, quảng cáo, ...

3.3. Kỹ năng mềm

Ngoài các kiến thức và kỹ năng chuyên môn, trong chương trình đào tạo ngành marketing, sinh viên cũng được trang bị những kỹ năng mềm để đạt được các chuẩn đầu ra như sau:

- Phát triển được tư duy hệ thống, tư duy logic và sáng tạo nhằm hỗ trợ sinh viên có thể vận dụng tốt các kiến thức và kỹ năng chuyên môn được học vào thực tiễn hoạt động marketing của doanh nghiệp;

- Hiểu và vận dụng được kỹ năng và phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp;

- Hiểu và vận dụng được kỹ năng làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế;

- Vận dụng được kỹ năng trình bày, thuyết trình, giao tiếp và các kỹ năng cá nhân khác để giải quyết tốt các công việc trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức/doanh nghiệp.

3.4. Ngoại ngữ

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên ngành Marketing sẽ:

- Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương.

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

3.5. Công nghệ thông tin

Sinh viên tốt nghiệp ngành Marketing sẽ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành. Cụ thể, sinh viên tốt nghiệp sẽ vận dụng được các kỹ năng cơ bản, cần thiết liên quan sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, máy và công cụ trình chiếu, cũng như sử dụng tốt Internet trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo

		<p>3.6. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành marketing của Học viện, sinh viên sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc tập thể, làm việc theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn; - Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại trong marketing, hiểu rõ vai trò của các giải pháp marketing trong bối cảnh kinh tế đầy biến động và số hóa mạnh mẽ như hiện nay; - Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 3
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Với nền tảng kiến thức lý thuyết và thực tiễn vững chắc về marketing và ICT, sau khi tốt nghiệp, sinh viên cũng có thể tự tạo lập doanh nghiệp (start up) và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân hoặc trở thành các cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về marketing tại các Viện, trường Đại học... hoặc tiếp tục học cao hơn ở trình độ Cao học (quản trị kinh doanh, marketing) ở trong và ngoài nước.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	Với những kiến thức nền tảng vững chắc, hiện đại và thực tiễn liên quan đến Marketing và ICT từ chương trình Cử nhân ngành Marketing của Học viện, sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ có nhiều cơ hội việc làm hấp dẫn tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, với việc được trang bị những kiến thức nền

		<p>tảng về ICT và Digital marketing, sinh viên ngành Marketing của Học viên sẽ có lợi thế đặc biệt khi thi tuyển vào các vị trí công việc liên quan đến Digital marketing.</p> <p>Các vị trí việc làm quan trọng mà sinh viên ngành Marketing của Học viên có thể đảm nhận tốt sau khi ra trường là:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Chuyên viên marketing • Chuyên viên digital marketing • Chuyên viên phân tích chiến dịch marketing (Marketing campaign analyst) • Chuyên viên nghiên cứu thị trường • Chuyên viên nghiên cứu và phân tích thị trường • Chuyên viên SEO (Search Engine Optimisation Manager) • Chuyên viên phân tích web • Chuyên viên thương mại điện tử • Chuyên viên phân tích Insight khách hàng • Chuyên viên phân tích SMM (Social Media Marketing Analyst) • Chuyên viên công nghệ Marketing (Marketing technologist) • Chuyên viên phân tích chiến lược Marketing • Chuyên viên phân tích cơ sở dữ liệu marketing • Chuyên viên phân tích dữ liệu marketing (Marketing data analyst) • Chuyên viên Phân tích kinh doanh (Business analytics) • Chuyên viên phụ trách hoạt động truyền thông marketing • Chuyên viên Marketing trực tuyến • Chuyên viên SEO • Chuyên viên quan hệ công chúng và tổ chức sự kiện •
--	--	--

d. **Ngành Thương mại điện tử** (Ngày 05/07/2018, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 533/QĐ-HV về việc ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Thương mại điện tử - trình độ đại học hệ chính quy)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<p>- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (<i>theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên</i>) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (<i>trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng</p>
----	----------------------	--

		<p>ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức</p> <p>(1) Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và kinh tế vào việc thực hiện các hoạt động kinh doanh điện tử;</p> <p>(2) Khái quát, tổng hợp và sơ đồ hóa được mô hình quản trị kinh doanh TMĐT của doanh nghiệp;</p> <p>(3) Giải thích được các chức năng quản trị kinh doanh TMĐT trong doanh nghiệp;</p> <p>(4) Mô tả được cách thức xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm soát các kế hoạch kinh doanh điện tử;</p> <p>(5) Hiểu và vận dụng được các kiến thức về mạng máy tính, diễn giải được chức năng và cơ chế vận hành của các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp TMĐT;</p> <p>(6) Mô tả được phương pháp thu thập và khai thác dữ liệu điện tử để làm căn cứ ra các quyết định kinh doanh;</p> <p>(7) Mô tả được phương pháp quản trị hệ thống TMĐT và phát triển website TMĐT;</p> <p>(8) Mô tả được nguyên lý của hệ quản trị cơ sở dữ liệu, mô tả được chức năng của các hệ thống cơ sở dữ liệu thông dụng, biết cách thức thiết kế website TMĐT;</p> <p>(9) Đánh giá được các tác nghiệp chuyên sâu trong TMĐT của một doanh nghiệp như: bán hàng và marketing điện tử, thanh toán điện tử, phân phối hàng hóa (logistics) điện tử.</p> <p>2. Kỹ năng</p> <p>Các kỹ năng chuyên môn bao gồm:</p> <p>(10) Phân tích, lựa chọn được mô hình kinh doanh điện tử, thực hiện được các chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp TMĐT;</p> <p>(11) Xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm soát được các kế hoạch kinh doanh điện tử (phân tích thị trường, xác lập mục tiêu kinh doanh, tổ chức và phân bổ nguồn lực, điều hành, kiểm soát hoạt động kinh doanh điện tử);</p> <p>(12) Sử dụng và khai thác được mạng máy tính, các phần mềm phổ biến về quản trị doanh nghiệp và các phần mềm tác nghiệp</p>

	<p>TMĐT thông dụng;</p> <p>(13) Thu thập và khai thác được các dữ liệu điện tử phục vụ cho mục đích kinh doanh;</p> <p>(14) Hình thành được ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định chức năng, lập mô hình và quản lý dự án ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp;</p> <p>(15) Thiết kế và triển khai được hệ thống TMĐT và có phương án phát triển website TMĐT của doanh nghiệp một cách hiệu quả;</p> <p>(16) Hình thành ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định được chức năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu trong doanh nghiệp; triển khai và vận hành được các hệ thống cơ sở dữ liệu thông dụng; thiết kế được website TMĐT;</p> <p>(17) Thực hiện và quản trị được các tác nghiệp về marketing và bán hàng trực tuyến;</p> <p>(18) Thực hiện và quản trị được các giao dịch và thanh toán điện tử với khách hàng và đối tác;</p> <p>(19) Thực hiện và quản trị được các hoạt động cung ứng điện tử;</p> <p>(20) Thực hiện được các dịch vụ công trực tuyến dưới vai trò doanh nghiệp;</p> <p>Kỹ năng mềm bao gồm:</p> <p>(21) Kỹ năng làm việc khoa học và chuyên nghiệp;</p> <p>(22) Các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;</p> <p>(23) Các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm.</p> <p>Ngoại ngữ:</p> <p>(24) Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương. Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.</p> <p>Công nghệ thông tin:</p> <p>(25) Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định. Cụ thể, sinh viên có khả năng cơ bản trong việc sử dụng máy tính, sử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu và sử dụng Internet trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.</p> <p>3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <p>(26) Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, tinh thần làm việc nhóm, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm</p>
--	---

		<p>chất chính trị và năng lực chuyên môn;</p> <p>(27) Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp quản trị doanh nghiệp và ứng dụng TMĐT trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;</p> <p>(28) Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.</p>
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 4
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ngành Kinh doanh và quản lý hoặc học bổ sung kiến thức liên ngành để đạt được bằng tốt nghiệp đại học thứ hai theo qui định của Bộ giáo dục và đào tạo
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<p>Sau khi tốt nghiệp sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên hoặc quản lý kinh doanh thương mại, marketing, bán hàng, hậu cần, kho vận, quản trị vận hành hệ thống TMĐT tại các doanh nghiệp đang / hoặc có dự định triển khai ứng dụng TMĐT (doanh nghiệp sở hữu website TMĐT bán hàng); - Chuyên viên hoặc quản lý phụ trách tư vấn các giải pháp phát triển hệ thống thông tin, quản trị cơ sở dữ liệu tại các doanh nghiệp cung cấp giải pháp về TMĐT (doanh nghiệp sở hữu website cung cấp dịch vụ TMĐT);

	<ul style="list-style-type: none"> - Viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước về TMĐT; - Nhà sáng lập doanh nghiệp kinh doanh điện tử;
--	--

e. **Ngành Công nghệ tài chính** (Ngày 18/08/2020, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 601/QĐ-HV về việc ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Công nghệ tài chính (Fintech) trình độ đại học hệ chính quy)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện. - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức</p> <ol style="list-style-type: none"> (1) Hiểu vững các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, và vận dụng các kiến thức này trong học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động nghề nghiệp; (2) Hiểu vững các kiến thức cơ sở ngành kinh tế, kinh doanh, quản trị, kế toán như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, tài chính tiền tệ, nguyên lý kế toán, marketing căn bản và vận dụng các kiến thức này trong hoạt động nghề nghiệp; (3) Hiểu vững và vận dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng như: hệ thống tài chính, nghiệp vụ ngân hàng, thanh toán quốc tế, tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro tài chính; (4) Hiểu vững kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ thông tin: lập trình máy tính, khoa học dữ liệu và quản trị cơ sở dữ liệu, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý, phát triển các hệ thống thương mại điện tử... (5) Hiểu vững và vận dụng kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ tài chính: Công nghệ tài chính căn bản, Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, phân tích dữ liệu tài chính qui mô lớn, Tiền số và công nghệ Blockchain, trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo tài chính.

	<p>(6) Có kiến thức về pháp luật trong kinh doanh, kiến thức về thống kê toán và kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính.</p> <p>2. Kỹ năng</p> <p><i>a. Kỹ năng chuyên môn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng ghi nhận các giao dịch kinh tế - tài chính phát sinh; Kỹ năng phân tích báo cáo tài chính theo yêu cầu cung cấp thông tin và tư vấn cho nhà quản lý; - Kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tín dụng, ngoại hối và thanh toán quốc tế; - Kỹ năng sử dụng các công cụ tài chính để quản lý tài chính, quản lý rủi ro tài chính, quản lý các hoạt động đầu tư, kinh doanh trong các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính; - Kỹ năng thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng sản phẩm phần mềm để phục vụ công tác thiết kế; - Kỹ năng thiết kế, triển khai thực hiện và quản lý các dự án phần mềm có qui mô vừa và nhỏ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện thực tế; - Kỹ năng phân tích và mô hình hóa quá trình và dữ liệu trong các tổ chức, khả năng xác định và cụ thể hóa các giải pháp kỹ thuật, khả năng quản trị dự án; - Kỹ năng vận dụng các khái niệm về hệ thống thông tin để đánh giá, giải quyết các vấn đề xuất hiện trong hệ thống thông tin tài chính; - Kỹ năng phân tích và quản lý dữ liệu tài chính, sử dụng các phần mềm/ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của định chế tài chính, thị trường tài chính và doanh nghiệp. <p><i>b. Kỹ năng mềm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng giao tiếp: giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội; - Kỹ năng làm việc nhóm: biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm; - Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc. <p>3. Kỹ năng ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế; - Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường. <p>4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp
--	--

		<p>tác trong công việc;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về công nghệ tài chính; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 12
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng học tập tiếp các chương trình cao học trong và ngoài nước
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<p>Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính, sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc ở các nhóm sau:</p> <p>Nhóm 1: Các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý dự án công nghệ tại các định chế tài chính; bộ phát triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các định chế tài chính (ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán).</p> <p>Nhóm 2: Bộ phận công nghệ thông tin, quản lý phát triển kinh tế số tại một số cơ quan nhà nước như: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

	<p>Nhóm 3: Bộ phận phát triển sản phẩm và kinh doanh tại Tập đoàn, Công ty công nghệ; bộ phận phân tích tại Tập đoàn, Công ty bán lẻ, Thương mại điện tử, Dịch vụ công.</p> <p>Nhóm 4: Bộ phận phát triển sản phẩm và dịch vụ tại công ty khởi nghiệp Fintech hoặc tự tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp fintech riêng cho bản thân.</p> <p>Nhóm 5: Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về tài chính, ngân hàng và công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.</p>
--	--

3.7. Khối ngành V

a. Ngành Kỹ thuật điện tử, truyền thông (Ngày 10/11/2020, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 984/QĐ-HV về việc ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông trình độ đại học hệ chính quy)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (<i>theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên</i>) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (<i>trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện. - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức</p> <p>Chương trình Điện tử viễn thông trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết cơ bản về các lĩnh vực liên quan đến ngành điện tử viễn thông. - Nắm vững các phương pháp, công cụ để phân tích, thiết kế, phát triển, vận hành mạng, hệ thống và thiết bị viễn thông. - Nắm vững kiến thức về cơ sở dữ liệu, thu thập và phân tích dữ liệu. - Vận dụng tốt kiến thức về hệ thống thông tin và truyền thông, có khả năng tích hợp hệ thống. <p>Nắm vững các kiến thức, công cụ phù hợp để quản lý và ứng dụng công nghệ truyền thông vào các lĩnh vực thực tế, các ngành khác nhau.</p>

Chuyên ngành Mạng và dịch vụ Internet

- Vận dụng tốt kiến thức để triển khai và phát triển sản phẩm, giải pháp cho các ứng dụng truyền thông trên các nền tảng mạng viễn thông, Internet.
- Vận dụng tốt kiến thức về lập trình, có khả năng phát triển các phần mềm ứng dụng trong viễn thông.

Chuyên ngành Thông tin vô tuyến và di động

- Vận dụng tốt kiến thức để triển khai và phát triển sản phẩm, giải pháp cho các ứng dụng truyền thông trên các nền tảng công nghệ vô tuyến, mạng di động.
- Vận dụng tốt kiến thức về lập trình, có khả năng phát triển các phần mềm ứng dụng di động.

Chuyên ngành Hệ thống IoT

- Vận dụng tốt kiến thức để triển khai và phát triển sản phẩm, giải pháp cho các ứng dụng truyền thông trên các nền tảng mạng Internet, hệ thống IoT.
- Vận dụng tốt kiến thức về lập trình, có khả năng phát triển các phần mềm ứng dụng IoT.

2. Kỹ năng

- Các kỹ năng nghề nghiệp

Sinh viên ngành Điện tử viễn thông đạt được các yêu cầu sau đây về kỹ năng nghề nghiệp:

- ✓ Đảm bảo các yêu cầu cơ bản về đạo đức nghề nghiệp như trung thực, trách nhiệm và tin cậy;
- ✓ Thành thực kỹ năng tổ chức, sắp xếp công việc; làm việc độc lập và tự tin trong môi trường làm việc;
- ✓ Thành thực kỹ năng xây dựng mục tiêu cá nhân, tạo động lực làm việc và phát triển sự nghiệp cá nhân;
- ✓ Đảm bảo kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành, kỹ năng tin học và ứng dụng trong hoạt động nghề nghiệp và giao tiếp xã hội.

- Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

Sinh viên ngành Điện tử viễn thông đạt được các yêu cầu sau đây về kỹ năng tư duy, giải quyết vấn đề:

- ✓ Có khả năng phát hiện, tổng quát hóa, phân tích và đánh giá vấn đề kỹ thuật liên quan tới lĩnh vực chuyên môn;
- ✓ Có kỹ năng lập luận và xử lý thông tin, phân tích định lượng để giải quyết các bài toán chuyên môn cũng như đưa ra giải pháp và kiến nghị đối với vấn đề chuyên môn.

- Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

Sinh viên được trang bị và rèn luyện kỹ năng phát hiện vấn đề, tìm kiếm và thu thập thông tin, kỹ năng triển khai thí nghiệm và tham gia vào các khảo sát thực tế.

- Khả năng tư duy theo hệ thống

Sinh viên được phát triển khả năng tư duy chính thể, logic,

phân tích đa chiều.

- **Khả năng nhận thức bối cảnh xã hội và ngoại cảnh**

Hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình về sự phát triển ngành Điện tử viễn thông, tác động của ngành đến xã hội. Nắm bắt rõ được các quy định của xã hội, bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc trong lĩnh vực chuyên môn; hiểu được ý nghĩa và giá trị thời đại của các vấn đề chuyên môn trong bối cảnh toàn cầu.

- **Khả năng làm việc thành công trong tổ chức**

Nhận thức chính xác và hiểu rõ vị trí làm việc trong các doanh nghiệp; nắm rõ được văn hóa doanh nghiệp; chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của tổ chức, vận dụng kiến thức được trang bị để phục vụ hiệu quả cho hoạt động của doanh nghiệp, có khả năng làm việc thành công trong tổ chức.

- **Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn**

Đảm bảo khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào thực tiễn; có thể sử dụng các định nghĩa, khái niệm cơ bản làm nền tảng; có khả năng hình thành ý tưởng liên quan đến chuyên môn hoặc quản lý các dự án trong lĩnh vực Điện tử viễn thông.

- **Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp**

Sinh viên được trang bị kỹ năng xây dựng mục tiêu cá nhân, động lực làm việc, phát triển cá nhân và sự nghiệp.

3. Kỹ năng mềm

- **Làm việc theo nhóm**

Đảm bảo năng lực làm việc theo nhóm và thích ứng với sự thay đổi của các nhóm làm việc.

- **Quản lý và lãnh đạo**

Đảm bảo khả năng hình thành nhóm làm việc hiệu quả, thúc đẩy hoạt động nhóm và phát triển nhóm; có khả năng tham gia lãnh đạo nhóm.

- **Kỹ năng giao tiếp**

Đảm bảo các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp bằng văn bản, qua thư điện tử/phương tiện truyền thông, hiểu rõ chiến lược giao tiếp, đảm bảo kỹ năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn.

- **Các kỹ năng mềm khác**

Đảm bảo nền tảng phát triển kỹ năng mềm trong bối cảnh hiện tại và tương lai: Tự tin trong môi trường làm việc quốc tế, kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp; luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực khoa học; kỹ năng đồ họa, ứng dụng tin học.

4. Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Kỹ năng sẵn sàng đương đầu với rủi ro; kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình và say mê công việc; có tư duy sáng tạo và tư duy phản biện; biết cách quản lý thời gian và nguồn lực;

		<ul style="list-style-type: none"> - Các kỹ năng cá nhân cần thiết khác như thích ứng với sự phức tạp của thực tế, kỹ năng học và tự học, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng sử dụng thành thạo công cụ máy tính phục vụ chuyên môn và giao tiếp văn bản, hòa nhập cộng đồng và luôn có tinh thần tự hào, tự tôn. - Có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc; - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về công nghệ tài chính; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn. <p>5. Về Hành vi đạo đức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phẩm chất đạo đức tốt, lễ độ, khiêm tốn, nhiệt tình, trung thực, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. - Trung thực, có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và tin cậy trong công việc, nhiệt tình và say mê công việc. - Có trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật, có ý thức tham gia bảo vệ Tổ quốc. <p>6. Trình độ ngoại ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương; - Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hòa nhập nhanh với cộng đồng Điện tử Viễn thông khu vực và Quốc tế sau khi ra trường; - Đảm bảo khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; kỹ năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong nghiên cứu, trao đổi học thuật và trong công việc một cách có hiệu quả nhất.
3.	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.

4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 5
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực học tập suốt đời, đảm bảo kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ để học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ thuộc các chuyên ngành thuộc lĩnh vực Điện tử viễn thông ở trong và ngoài nước. - Có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Điện tử viễn thông, công nghệ thông tin ở các cấp khác nhau.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<p>Sinh viên tốt nghiệp ngành Điện tử viễn thông là những ứng viên tiềm năng cho các vị trí công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư tư vấn, thiết kế trong hầu hết các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan đến lĩnh vực điện tử viễn thông và công nghệ thông tin; - Kỹ sư vận hành, giám sát trong các doanh nghiệp sở hữu và khai thác hạ tầng truyền thông; - Kỹ sư phát triển ứng dụng trong các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet, các tổ chức và doanh nghiệp ứng dụng hệ thống mạng và dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin; - Chuyên gia kỹ thuật trong các doanh nghiệp triển khai hệ thống ICT trong điều hành sản xuất, kinh doanh; - Các vị trí quản lý, điều hành đòi hỏi hiểu biết về lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin trong các tổ chức, cơ quan nhà nước; - Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trong các viện nghiên cứu, trường đại học, ...

b. Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Ngày 24/09/2020, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 694/QĐ-HV về việc ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử trình độ đại học hệ chính quy)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<p>- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc</p>
----	----------------------	--

		<p>đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên; chú trọng vào Toán học, Vật lý làm nền tảng tiền đề cho ngành đào tạo; - Kiến thức cơ sở ngành: trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở cần thiết và cốt lõi của ngành về Linh kiện và mạch điện tử, Hệ thống số và máy tính, Tin học, Lý thuyết tín hiệu hệ thống thông tin, Xử lý tín hiệu số, Trường điện từ và kỹ thuật siêu cao tần; - Kiến thức ngành: trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về một hoặc một vài lĩnh vực khác nhau của ngành như : Kỹ thuật điện tử máy tính (Hệ thống nhúng, Hệ thống số, Hệ điều hành nhúng, Hệ thống VLSI, Thiết bị ngoại vi và kỹ thuật ghép nối...); Xử lý tín hiệu và truyền thông (Xử lý ảnh, Xử lý tiếng nói, Công nghệ phát thanh truyền hình số, Truyền thông đa phương tiện, Bảo mật thông tin ...); Điện tử công nghiệp và tự động hóa, Kỹ thuật Robot công nghiệp ... <p>2. Về Kỹ năng</p> <p>a) Chuyên ngành Điện tử máy tính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững kiến thức tổng thể về một hệ thống điện - điện tử hiện đại từ các lõi xử lý trung tâm, vi xử lý, vi điều khiển đến các giao tiếp ghép nối ngoại vi, giao tiếp với hạ tầng truyền thông và các hệ điều hành, hệ điều hành thời gian thực (RTOS), ưu tiên sử dụng mã nguồn mở; - Làm chủ các công nghệ nguồn, từ đó có khả năng tư duy độc lập và hợp tác theo nhóm để thiết kế, xây dựng, phát triển hoặc triển khai, vận hành bảo dưỡng các hệ thống điện - điện tử phục vụ trong các lĩnh vực như truyền thông, công nghệ thông tin, điện tử công nghiệp, tự động hóa, điện tử y sinh, giao thông vận tải, hàng không vũ trụ,

		<p>an ninh, quân sự ...;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng thành thạo các thuật toán, công cụ về tích hợp hệ thống nhúng, thiết kế số, ngôn ngữ mô tả phần cứng; các công cụ thiết kế mạch in điện tử PCB, các công cụ mô phỏng trợ giúp thiết kế; - Có tư duy phát triển ứng dụng các thiết bị điện - điện tử theo hướng tiếp cận các xu thế mới như: Internet vạn vật (IoT), Big Data, Học máy...; - Hiểu biết về linh kiện, cụm linh kiện, nguyên tắc an toàn điện trong các hệ thống, bảng mạch điện – điện tử; - Nắm chắc các tiêu chuẩn quốc tế cơ bản trong lĩnh vực điện - điện tử; - Có khả năng tiếp cận với các thành tựu công nghệ, kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới trong lĩnh vực điện - điện tử. <p>b) Chuyên ngành Xử lý tín hiệu truyền thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững kiến thức tổng thể về một hệ thống điện tử hiện đại; các quá trình biến đổi và xử lý tín hiệu trong hệ thống thông tin số; các kỹ thuật sử dụng trong truyền thông số hiện đại; - Thu thập và xử lý dữ liệu, sử dụng thành thạo các thuật toán và công cụ xử lý tín hiệu tương tự và số. Nắm được các thuật toán về nén dữ liệu và các thuật toán bảo mật; - Nắm vững các kiến thức về xử lý tín hiệu số, ứng dụng các thuật toán và các chip xử lý tín hiệu số chuyên dụng vào các bài toán thực tế như: Xử lý ảnh, Xử lý âm thanh, Xử lý tín hiệu trong các hệ thống truyền thông và các ứng dụng liên quan đến xử lý tín hiệu khác ... <p>c) Chuyên ngành Robotic</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của chuyên ngành đào tạo về robot, các hệ thống tự động điều khiển trong những điều kiện, môi trường làm việc khác nhau; - Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực robot; - Có tư duy phát triển ứng dụng các thiết bị điện - điện tử theo hướng tiếp cận các xu thế mới như: Internet vạn vật (IoT), Big Data, Học máy ...; - Hiểu biết về linh kiện, cụm linh kiện, nguyên tắc an toàn điện trong các hệ thống, bảng mạch điện – điện tử, robotics; - Biết và vận dụng được qui trình thiết kế, phân đoạn qui trình thiết kế và phương pháp tiếp cận. Biết và vận dụng
--	--	--

qui trình lập kế hoạch, sắp xếp công việc, quản lý thời gian và nguồn lực.

3. Về Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;
- Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;
- Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;
- Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

4. Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về công nghệ tài chính;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Về Hành vi đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn;
- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

6. Về ngoại ngữ (Tiếng Anh)

- Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương;
- Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường.
- Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động

		liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<p>- Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân.</p> <p>- Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức.</p> <p>- Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.</p>
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 6
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Được trang bị khối lượng kiến thức đầy đủ để có thể chuyển tiếp lên các hệ đào tạo sau Đại học hoặc chuyển ngành sang các ngành công nghệ, kỹ thuật khác cùng nhóm ngành trong và ngoài nước.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<p>- Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận tốt các vị trí là kỹ sư thiết kế, cán bộ kỹ thuật, cán bộ điều hành tại các trung tâm nghiên cứu phát triển, các khu công nghiệp, nhà máy chế tạo các sản phẩm điện tử;</p> <p>- Có thể tham gia quản lý, khai thác và vận hành các dự án về lĩnh vực điện tử, lĩnh vực hội tụ điện tử - truyền thông - công nghệ thông tin;</p> <p>- Được trang bị khối lượng kiến thức đầy đủ để có thể chuyển tiếp lên các hệ đào tạo sau Đại học hoặc chuyển ngành sang các ngành công nghệ, kỹ thuật khác cùng nhóm ngành trong và ngoài nước.</p> <p>Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các vị trí cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các cơ quan quản lý nhà nước: Cục Công nghệ thông tin, Cục Viễn thông, Cục quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử; các Vụ khác trong Bộ Thông tin và Truyền thông; các Sở Thông tin và Truyền thông, sở khoa học và công nghệ... tại các Tỉnh, Thành phố; • Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu điện tử - tin học – tự động hóa, Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện..., các Trung

		<p>tâm nghiên cứu, các trường đại học;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tập đoàn FPT, Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện Việt Nam (VTC)..., các công ty nước ngoài như Intel, Samsung, LG, Canon..., các doanh nghiệp, công ty hoạt động trong lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin.
--	--	--

c. Ngành Công nghệ thông tin (Ngày 23/09/2020, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 684/QĐ-HV về việc Chương trình khung giáo dục đại học ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học hệ chính quy)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<p>- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (<i>theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên</i>) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (<i>trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện.</p> <p>- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;</p> <p>- Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:</p> <p>(1) Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên; chú trọng vào Toán học là nền tảng tiền đề cho ngành đào tạo;</p> <p>(2) Kiến thức cơ sở ngành: trang bị cho sinh viên những kiến thức về Toán chuyên ngành công nghệ thông tin, Lập trình máy tính, Hệ thống máy tính, Các ứng dụng quan trọng của công nghệ thông tin;</p> <p>(3) Kiến thức chuyên ngành: Trong năm học cuối, sinh viên sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu về Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính, Công nghệ phần mềm, Kỹ thuật máy tính, Mạng máy tính và truyền thông, An toàn thông tin mạng. Phần kiến thức chuyên ngành sẽ trang bị cho sinh viên: kiến thức liên quan đến nghiên cứu phát triển, gia công hay ứng dụng hệ thống phần mềm; kiến thức về thiết kế, xây dựng, cài đặt, vận hành và bảo trì các thành phần phần cứng, phần mềm</p>

của hệ thống máy tính và các hệ thống thiết bị dựa trên máy tính; kiến thức về mạng máy tính và truyền thông.

2. Về kỹ năng

a) Chuyên ngành Công nghệ phần mềm

- Thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng sản phẩm phần mềm để phục vụ công tác thiết kế;
- Thiết kế, triển khai thực hiện và quản lý các dự án phần mềm có qui mô vừa và nhỏ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế;
- Các kỹ năng về đánh giá chi phí, đảm bảo chất lượng của phần mềm;
- Các kỹ năng về kiểm thử, bảo trì và xây dựng tài liệu kỹ thuật, tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống hiệu quả và dễ dùng;
- Áp dụng tri thức Khoa học máy tính, quản lý dự án để nhận biết, phân tích và giải quyết sáng tạo và hiệu quả những vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng và phát triển phần mềm máy tính.

b) Chuyên ngành Kỹ thuật máy tính

- Thiết kế, xây dựng, cài đặt và bảo trì cả phần cứng và phần mềm (tập trung vào các phần mềm cho các thiết bị điện tử số) của các hệ thống điện tử số bao gồm các hệ thống truyền thông, máy tính và các hệ thống thiết bị dựa trên máy tính;
- Thiết kế, xây dựng và ứng dụng các hệ thống nhúng;
- Có các kỹ năng khác phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.

c) Chuyên ngành Hệ thống thông tin

- Nắm vững vai trò hệ thống thông tin trong các tổ chức. Hiểu được vai trò các thành phần của hệ thống thông tin bao gồm con người, quy trình, phần cứng, phần mềm, và dữ liệu.
- Vận dụng các khái niệm về hệ thống để đánh giá, giải quyết các vấn đề xuất hiện trong hệ thống thông tin.
- Phân tích và mô hình hóa quá trình và dữ liệu trong các tổ chức, khả năng xác định và cụ thể hóa các giải pháp kỹ thuật, khả năng quản trị dự án, khả năng tích hợp hệ thống.
- Các kỹ thuật thu thập, biến đổi, truyền, và lưu trữ dữ liệu và thông tin.

d) Chuyên ngành Khoa học máy tính

- Nắm vững và vận dụng tốt các nguyên lý, khái niệm, lý thuyết liên quan tới khoa học máy tính và ứng dụng phần mềm;
- Xác định và phân tích yêu cầu đối với các vấn đề cụ thể, lên kế hoạch và tìm giải pháp cho vấn đề;
- Đánh giá và thử nghiệm giải pháp;
- Có khả năng vận dụng các công cụ trong việc đặc tả, phân tích, xây dựng, triển khai, bảo trì các hệ thống dựa trên máy tính.

e) Chuyên ngành Máy tính và truyền thông dữ liệu

- Nghiên cứu, tìm hiểu áp dụng kiến thức trong lĩnh vực mạng và truyền thông máy tính;
- Phân tích, thiết kế, cài đặt, bảo trì cũng như quản lý và khai thác các hệ thống mạng truyền thông máy tính;
- Sử dụng các công cụ phục vụ việc thiết kế, đánh giá hoạt động hệ thống mạng máy tính.

3. Về Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;
- Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;
- Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;
- Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

4. Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về công nghệ tài chính;
- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Về Hành vi đạo đức

- Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn;
- Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;
- Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

6. Về ngoại ngữ (Tiếng Anh)

- Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương;
- Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu,

		<p>hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 7
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học ở trong nước và nước ngoài.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận tốt các vị trí là cán bộ kỹ thuật, quản lý, điều hành trong lĩnh vực công nghệ thông tin; - Có thể trở thành các lập trình viên, các nhà quản trị hệ thống, quản trị bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong bất kỳ doanh nghiệp nào; - Có thể làm việc trong các dự án với vai trò là người quản trị dự án về công nghệ thông tin; - Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về công nghệ thông tin tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các Cơ sở đào tạo; <p>Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các vị trí cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ thông tin, Cục Viễn thông, Cục quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử, Cục Ứng dụng công nghệ thông tin, Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục thương mại điện tử và công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan, Vụ Công nghệ thông tin, Vụ Bưu chính...; • Các Viện, Trung tâm: Viện Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ phần mềm và nội dung số Việt Nam, Viện Nghiên cứu điện tử - tin học – tự động hóa, Viện Chiến lược thông tin và truyền

	<p>thông, Trung tâm Internet Việt Nam, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam, các Trung tâm Thông tin trực thuộc các Bộ, Tổng cục...;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Các Tập đoàn, Tổng công ty: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Viễn thông quân đội (VIETEL), Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện Việt Nam (VTC), Tổng công ty Viễn thông toàn cầu (GTEL), Tập đoàn FPT ... và các công ty, đơn vị trực thuộc: Công ty Điện toán và truyền số liệu, Công ty Thông tin điện tử hàng hải Việt Nam, Các Công ty Viễn thông, liên tỉnh, quốc tế, các Công ty hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin ...; • Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ, Hệ thống quản trị, An ninh mạng ... trực thuộc các Sở như: Sở Thông tin và truyền thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các Tỉnh, Thành phố.
--	--

d. Ngành An toàn thông tin (Ngày 23/09/2020, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 686/QĐ-HV về việc ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành An toàn thông tin trình độ đại học hệ chính quy)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<p>- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (<i>theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên</i>) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (<i>trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện.</p> <p>- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;</p> <p>- Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về Kiến thức</p> <p>Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:</p> <p>(1) Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận chính trị, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; chú trọng các môn Toán học, Vật lý và Tin học để làm nền tảng cho sinh viên khi học kiến thức ngành.</p> <p>(2) Kiến thức cơ sở ngành: trang bị cho sinh viên những kiến thức về toán chuyên ngành, các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin như kỹ thuật và ngôn ngữ lập trình, kiến trúc</p>

máy tính, hệ điều hành, cơ sở dữ liệu, mạng máy tính, công nghệ phần mềm, cơ sở an toàn thông tin, mật mã học cơ sở.

- (3) **Kiến thức ngành:** trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về An toàn thông tin như: các kỹ thuật mật mã nâng cao, an toàn mạng máy tính, an toàn hệ điều hành, an toàn các ứng dụng web, an toàn cơ sở dữ liệu, các kỹ thuật tấn công và xâm nhập mạng, mô hình bảo vệ và các kỹ thuật phòng thủ chống tấn công xâm nhập, quản trị mạng an toàn, lập trình web, lập trình mạng và ứng dụng di động, thiết kế các phần mềm và công cụ đảm bảo an toàn, quản lý và đánh giá điểm yếu, lỗ hổng, các kỹ thuật kiểm tra đánh giá an toàn, các vấn đề về chính sách, pháp luật và chuẩn hóa an toàn thông tin.

2. Về Kỹ năng

- Áp dụng các kiến thức, kỹ năng; sử dụng các công cụ khoa học kỹ thuật để nhận biết, phân tích, giải quyết các vấn đề liên quan đến an toàn, bảo mật thông tin mạng;
- Thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu về an ninh, bảo mật từ hệ thống thông tin để phục vụ công tác nghiên cứu, xây dựng và phát triển hệ thống an toàn, an ninh thông tin;
- Thiết kế và triển khai các ứng dụng đảm bảo an toàn thông tin đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế;
- Tìm kiếm, tiếp cận, ứng dụng hiệu quả và sáng tạo các kỹ thuật, kỹ năng và công cụ hiện đại để giải quyết những vấn đề thực tế của lĩnh vực An toàn thông tin.

3. Về Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;
- Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;
- Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc;
- Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

4. Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để

		<p>nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về công nghệ tài chính; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn. <p>5. Về Hành vi đạo đức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn; - Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước; - Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời. <p>6. Về Ngoại ngữ (Tiếng Anh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương; - Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường. - Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 8
5.	Khả năng học tập, nâng cao	Có thể học tiếp lên trình độ sau đại học ở trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ thông tin (An toàn, bảo mật thông tin).

	trình độ sau khi ra trường	
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên ngành An toàn thông tin sau khi tốt nghiệp ra trường có khả năng làm việc tại các đơn vị/bộ phận chuyên về Công nghệ thông tin và mạng cũng như các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng CNTT như: các cơ quan chính phủ, các cơ quan thuộc các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, năng lượng điện, dầu khí, thương mại, giao thông vận tải... với các vị trí công việc: <ul style="list-style-type: none"> a. Quản trị bảo mật máy chủ và mạng b. Bảo mật hệ điều hành và cơ sở dữ liệu c. Phân tích, tư vấn, thiết kế hệ thống thông tin đảm bảo an toàn d. Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho mạng và hệ thống e. Rà quét lỗ hổng, điểm yếu và xử lý sự cố an toàn thông tin f. Lập trình và phát triển ứng dụng đảm bảo an toàn thông tin Sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm, Kỹ sư An toàn thông tin có đủ khả năng đảm nhận các chức vụ quản lý về an toàn thông tin, như Trưởng nhóm hoặc Giám đốc bộ phận đảm bảo an toàn thông tin. - Có năng lực làm việc ở vị trí cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về An toàn thông tin tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo; - Có thể học tiếp lên trình độ sau đại học ở trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực công nghệ thông tin (An toàn, bảo mật thông tin).

e. Ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Ngày 05/03/2020, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 153/QĐ-HV về việc hiệu chỉnh chương trình khung giáo dục đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa – trình độ đại học)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (<i>theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên</i>) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (<i>trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện. - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu
----	----------------------	--

		trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và vận dụng các kiến thức về khoa học xã hội, toán học và khoa học tự nhiên làm nền tảng cho việc nghiên cứu, tính toán các hệ thống về Kỹ Thuật Điều Khiển và Tự Động hóa; - Có kiến thức để nhận diện, diễn đạt và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực điều khiển – tự động hóa; - Có kiến thức về thiết kế, triển khai, xây dựng, vận hành và bảo trì hệ thống điều khiển và tự động hóa các quá trình sản xuất; - Có khả năng đề xuất và triển khai các giải pháp quản lý các hệ thống điều khiển và tự động hóa; - Có thể tham gia xây dựng, tổ chức, điều hành và quản lý các dự án về điều khiển và tự động hóa có hiệu quả. <p>2. Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thiết kế và tiến hành các thí nghiệm, phân tích và giải thích dữ liệu trong lĩnh vực điều khiển – tự động hóa. - Kỹ năng lựa chọn thiết bị, tích hợp xây dựng các hệ thống điều khiển tự động trong các nhà máy công nghiệp. - Kỹ năng phân tích và thiết kế một phần hoặc toàn bộ một thiết bị, một hệ thống, một quá trình trong lĩnh vực điều khiển – tự động hóa. - Kỹ năng thực hiện các sản phẩm điều khiển tự động có tính hiện đại, bền vững, đáp ứng được các nhu cầu về phát triển kinh tế, xã hội và môi trường. - Kỹ năng sử dụng các phương pháp, và các phương tiện kỹ thuật hiện đại, các phần mềm, phần cứng và các ngôn ngữ lập trình cần thiết cho việc thực hành kỹ thuật và thực hiện các hệ thống điều khiển tự động theo chương trình. - Kỹ năng vận hành bảo trì các thiết bị hệ thống điều khiển tự động trong các nhà máy công nghiệp. - Kỹ năng phân tích dữ liệu kỹ thuật và quản lý cho các nhà máy công nghiệp tự động.. <p>3. Hành vi đạo đức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết trách nhiệm về đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức về các vấn đề kỹ thuật đương đại. - Có kiến thức đủ rộng để hiểu rõ tác động của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường và xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước. - Nhận thức về sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng

		<p>cao trình độ và năng lực kỹ năng chuyên môn và ngoại ngữ để tự học trọn đời.</p> <p>4. Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả. - Kỹ năng làm việc khoa học và chuyên nghiệp - Các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch tổ chức công việc <p>5. Trình độ ngoại ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương. - Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 11
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể học tiếp lên trình độ sau đại học ở trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực điện, điện tử và tự động hóa.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<p>Sau khi tốt nghiệp, các kỹ sư ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa có đủ năng lực đảm nhận các vị trí công việc ở những lĩnh vực sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực các cơ quan nhà nước: Sở khoa học công nghệ, sở công thương, viện kinh tế xã hội, ban quản lý khu chế xuất và khu công nghiệp, trung tâm tiêu chuẩn đo lường chất lượng, trung tâm kỹ thuật và ứng dụng công nghệ, trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp; - Lĩnh vực các doanh nghiệp: Công ty tư vấn thiết kế, công ty

	<p>xây lắp, công ty tư vấn giám sát công trình, công ty thương mại về lĩnh vực điện, điện tử và tự động hóa, hệ thống nhúng công nghiệp;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lĩnh vực các nhà máy sản xuất: Các nhà máy xi nghiệp sản xuất công nghiệp với vai trò người trực tiếp hay quản lý điều hành như: <ul style="list-style-type: none"> o Kỹ sư bảo trì điện trong các nhà máy công nghiệp. o Kỹ sư nhúng cho các hệ thống điều khiển. o Kỹ sư phân tích dữ liệu cho các ứng dụng công nghiệp. - Lĩnh vực giáo dục nghiên cứu khoa học: Các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng trung cấp nghề, trung tâm đào tạo nghề, các viện/trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực điện, điện tử và tự động hóa.
--	--

5.3. Khối ngành VII

a. Ngành Công nghệ đa phương tiện (Ngày 02/10/2021, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 732/QĐ-HV về việc ban hành Chương trình khung giáo dục đại học ngành Công nghệ đa phương tiện trình độ đại học hệ chính quy)

1.	Điều kiện tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (<i>theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên</i>) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (<i>trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành</i>) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (<i>đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam</i>) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (<i>sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT</i>) và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện. - Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; - Không bị vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức giáo dục đại cương: Sinh viên được trang bị các kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn. - Kiến thức cơ sở ngành và ngành: Sinh viên được trang bị những kiến thức nền tảng của ngành học Công nghệ Đa phương tiện bao gồm:

		<p>Các môn học liên quan đến kỹ thuật dựng hình: Kỹ thuật nhiếp ảnh, Kỹ thuật quay phim, Dựng Audio & Video phi tuyến.</p> <p>Các môn học liên quan đến thiết kế: Cơ sở tạo hình, Mỹ thuật cơ bản, Luật xa gần, Thiết kế đồ họa cơ bản, Thiết kế Website, Thiết kế ứng dụng trên đầu cuối di động, Thiết kế đồ họa đa phương tiện, Thiết kế tương tác đa phương tiện, Kịch bản đa phương tiện.</p> <p>Các môn học liên quan đến phát triển ứng dụng: Phân tích thiết kế kiến trúc phần mềm ĐPT, Lập trình hướng đối tượng, Cơ sở dữ liệu, Đồ họa máy tính, Kiến trúc máy tính và hệ điều hành, Ngôn ngữ lập trình Java.</p> <p>Các môn học bổ trợ: Nhập môn đa phương tiện, Tổ chức sản xuất sản phẩm đa phương tiện, Bản quyền số.</p> <p>- Kiến thức chuyên ngành: Sinh viên sẽ lựa chọn chuyên sâu hướng học tập và nghiên cứu trong phần chuyên ngành, gồm: (1) Chuyên ngành Phát triển ứng dụng đa phương tiện, (2) Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện.</p> <p>Phần kiến thức chuyên ngành Phát triển ứng dụng đa phương tiện trang bị cho sinh viên kiến thức liên quan đến phân tích, xử lý và tích hợp các tài nguyên đa phương tiện. Từ đó sinh viên có thể phát triển các phần mềm ứng dụng đa phương tiện tương tác như Web, Game, ứng dụng thực tại ảo; tạo kỹ xảo âm thanh và hình ảnh trong các lĩnh vực điện ảnh, truyền hình có sử dụng các tài nguyên đa phương tiện.</p> <p>Phần kiến thức chuyên ngành Thiết kế Đa phương tiện trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu bao gồm: Nguyên lý và phương pháp thiết kế hình động 2D&3D, Thiết kế UI, Layout (dàn trang), đồ họa chữ trong một số lĩnh vực: Game, thiết bị di động, xuất bản điện tử, tư duy thiết kế và đồ họa chuyển động (motion design).</p> <p>2. Về Kỹ năng</p> <p>a) Chuyên ngành Phát triển ứng dụng đa phương tiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý các dự án phát triển phần mềm ứng dụng đa phương tiện; - Thiết kế và phát triển các sản phẩm phần mềm đa phương tiện tương tác bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Các hệ thống Website; ▪ Game; ▪ Các ứng dụng trên đầu cuối di động; ▪ Các ứng dụng thực tại ảo; ▪ Hệ thống thương mại điện tử. <p>b) Chuyên ngành Thiết kế đa phương tiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có các kỹ năng thiết kế:
--	--	---

		<ul style="list-style-type: none"> ▪ Thiết kế nhận diện thương hiệu số; ▪ Thiết kế các loại hình nội dung số trên các nền tảng mạng và các loại hình dịch vụ khác nhau; ▪ Thiết kế giao diện website; ▪ Thiết kế giao diện ứng dụng trên thiết bị di động; ▪ Thiết kế đồ họa game; ▪ Thiết kế các loại hình sản phẩm sử dụng đồ họa tĩnh và động 2D và 3D; ▪ Thiết kế kĩ xảo đa phương tiện. <p>3. Về Kỹ năng mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội; - Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm; - Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc; - Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế. <p>4. Về Năng lực tự chủ và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc; - Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; - Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về công nghệ tài chính; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn. <p>5. Về Hành vi đạo đức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn; - Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước; - Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.
--	--	--

		<p>6. Về Ngoại ngữ (Tiếng Anh)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương; - Có khả năng sử dụng tiếng Anh phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với cộng đồng công nghệ thông tin khu vực và quốc tế sau khi ra trường. - Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.
3.	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	Chương trình đào tạo mà Học viện thực hiện	Phụ lục 9
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học trong nước hoặc ở nước ngoài.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể trở thành các lập trình viên, phát triển ứng dụng, thiết kế và triển khai các ứng dụng và sản phẩm đa phương tiện. - Có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh các sản phẩm đa phương tiện. - Có thể trở thành cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về lĩnh vực đa phương tiện tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo; - Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học trong nước hoặc ở nước ngoài. <p>Sinh viên có thể làm việc tại các đơn vị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ Thông tin Truyền thông, Đài phát thanh và truyền hình, Cơ quan Báo chí,...

		<ul style="list-style-type: none"> - Các Tổng công ty, Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực CNTT, Truyền thông và Thiết kế Quảng cáo, Điện ảnh, Truyền hình, công ty game và các công ty liên quan đến phát triển và ứng dụng các loại hình công nghệ và nội dung đa phương tiện hiện nay; - Các Viện nghiên cứu hoặc các trường đại học, cao đẳng ... <p>Với các vị trí công việc cụ thể là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư thiết kế và phát triển phần mềm (game, web, ứng dụng di động,...); - Chuyên viên thiết kế, tư vấn thiết kế trong các công ty, các xưởng thiết kế, công ty quảng cáo, marketing, truyền hình, trò chơi (game), công ty truyền thông và tổ chức sự kiện, các tòa soạn, cơ quan truyền hình, báo chí, ... - Chuyên gia 2D, 3D, hiệu ứng hình ảnh, Giám đốc sáng tạo, ... - Giảng dạy trong các trường học, trung tâm hoặc câu lạc bộ và tự khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển các loại hình nội dung số.
--	--	---

b. Ngành Truyền thông đa phương tiện (Ngày 14/06/2018, Giám đốc Học viện đã ký Quyết định số 457/QĐ-HV về việc ban hành chương trình đào tạo chi tiết giáo dục đại học ngành Truyền thông đa phương tiện - trình độ đại học hệ chính quy)

1.	Điều kiện tuyển sinh	Các thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp (người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải có chứng chỉ công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT); và tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm đăng ký tuyển sinh với các bài thi/môn theo tổ hợp tương ứng các ngành của Học viện
2.	Mục tiêu, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Về kiến thức</p> <p>Sinh viên được trang bị những kiến thức cụ thể sau:</p> <p>Kiến thức giáo dục đại cương: trang bị cho sinh viên kiến thức giáo dục đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn; Kinh tế xã hội.</p> <p>Kiến thức cơ sở ngành và ngành: trang bị cho sinh viên những kiến thức toàn diện và hiện đại về truyền thông và kiến thức nền tảng về đồ họa, nhiếp ảnh, quay phim như lý thuyết truyền thông, truyền thông quốc tế, PR, báo chí, quảng cáo, kỹ thuật nhiếp ảnh, quay phim, thiết kế đồ họa cơ bản.</p> <p>Kiến thức chuyên ngành: trong giai đoạn chuyên ngành sinh viên sẽ được trang bị kiến thức chuyên sâu về báo chí đa phương tiện, quảng cáo đa phương tiện, quan hệ công chúng, quản lý và tư vấn dự án truyền thông đa phương tiện trên nền tảng các ứng dụng đa phương tiện như: đồ họa đa</p>

		<p>phương tiện, thiết kế web, sản xuất audio và video.</p> <p>2. Về kỹ năng</p> <p>Sinh viên sau khi tốt nghiệp chương trình đại học ngành Truyền thông đa phương tiện có các kỹ năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết và biên tập các sản phẩm truyền thông đa phương tiện; có kỹ năng tác nghiệp cơ bản của nhà báo đa phương tiện. - Có kỹ năng tổ chức sự kiện, xây dựng và phát triển quan hệ giữa cá nhân, tổ chức với các nhóm công chúng và giới truyền thông. - Có khả năng ứng dụng và phát triển các sản phẩm quảng cáo đa phương tiện - Quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện <p>3. Kỹ năng mềm</p> <p>Sinh viên có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích, khả năng trình bày, khả năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả, có khả năng hội nhập môi trường quốc tế.</p> <p>4. Về Hành vi đạo đức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc nhóm, có phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn vững vàng. - Nắm vững các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ. <p>5. Về Ngoại ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đạt trình độ tiếng Anh 450 điểm TOEIC quốc tế hoặc tương đương. - Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo
3.	<p>Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Người học được cấp email riêng, cấp tài khoản để sử dụng phần mềm quản lý đào tạo trực tuyến để quản lý và theo dõi quá trình học tập của mình, tự tra cứu tiến độ kế hoạch học tập, kinh phí, học phí, kết quả học tập của cá nhân. - Bên cạnh các hoạt động nằm trong chương trình đào tạo, sinh viên còn được đào tạo các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tạo lập văn bản tiếng Việt. Đặc biệt, sinh viên còn được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các câu lạc bộ do Học viện tổ chức. - Chế độ, chính sách đối với sinh viên được thực hiện trên tinh thần công khai, công bằng và đúng quy định. Tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật được tiến hành thường xuyên và đúng quy chế.
4	<p>Chương trình đào tạo mà Học viện thực</p>	<p>Phụ lục 10</p>

	hiện	
5.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ Sau đại học trong nước hoặc ở nước ngoài.
6.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp	<p>Cử nhân Truyền thông Đa phương tiện có thể đảm nhiệm các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên truyền thông tại các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước; các bộ phận thông tin tổng hợp của các đơn vị, tổ chức chính trị xã hội. - Nhà báo đa phương tiện: Phóng viên, biên tập viên tại các cơ quan thông tấn - báo chí. - Chuyên viên PR, quảng cáo cho các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ. - Quản lý và tư vấn các dự án truyền thông đa phương tiện. - Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC 



TS. Vũ Tuấn Lâm